| | |
|---|---|
| **THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 1757/QĐ-TTg | *Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2023* |

# QUYẾT ĐỊNH
## Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

## THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;*

*Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về việc ban hành Danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

*Căn cứ Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Báo cáo thẩm định số 3198/BC-HĐTĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 về thẩm định Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Văn bản số 7872/BKHĐT-QLQH ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc tổng hợp ý kiến rà soát hồ sơ Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông tại Tờ trình số 7224/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2023 về đề nghị phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và văn bản số 8012/UBND-TH ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc báo cáo hồ sơ trình phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung sau:

### I. PHẠM VI, RANH GIỚI QUY HOẠCH

Phạm vi lập quy hoạch bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên tỉnh Đắk Nông, quy mô 6.509,27 $km^2$ gồm các đơn vị hành chính: Thành phố Gia Nghĩa, huyện Đắk Mil, huyện Đắk R'Lấp, huyện Cư Jút, huyện Tuy Đức, huyện Đắk Glong, huyện Đắk Song, huyện Krông Nô:

- Phía Bắc và Đông Bắc: Giáp tỉnh Đắk Lắk;

- Phía Đông và Đông Nam: Giáp tỉnh Lâm Đồng;

- Phía Nam và Tây Nam: Giáp tỉnh Bình Phước;

- Phía Tây Nam: Giáp Vương quốc Campuchia.

Vị trí của tỉnh có tọa độ địa lý: từ $11^0$45’ đến $12^0$50’ vĩ độ Bắc và từ $107^0$13’ đến $108^0$10’ kinh độ Đông.

## II. QUAN ĐIỂM, TẦM NHÌN, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN; CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN

### 1. Quan điểm phát triển

a) Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải bám sát chủ trương, đường lối phát triển của Đảng và Nhà nước; các mục tiêu, định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và bền vững; đảm bảo dân chủ, sự tuân thủ, tính liên tục, kế thừa và ổn định, phải phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia và quy hoạch vùng Tây Nguyên. Kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường gắn chặt với quốc phòng, an ninh và đối ngoại.

b) Phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế khác biệt, nổi trội để phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững. Phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số, cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo để nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh nền kinh tế và xã hội phát triển.

c) Khai thác hiệu quả lợi thế vị trí chiến lược, phát huy vai trò cửa ngõ không gian giữa vùng Tây Nguyên và vùng Đông Nam Bộ, phát huy lợi thế kết nối Đông - Tây trong khu vực Tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia. Tổ chức không gian phát triển hợp lý, tập trung phát triển nhanh một số địa bàn có điều kiện thuận lợi, làm động lực phát triển chung toàn tỉnh, hỗ trợ các địa bàn khó khăn; phát triển hài hòa giữa khu vực đô thị và nông thôn. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, từng bước hiện đại. Ưu tiên hạ tầng giao thông, thủy lợi làm động lực cho phát triển.

d) Phát huy tối đa nhân tố con người, lấy con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực, mục tiêu của sự phát triển; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, từng bước đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và chú trọng thu hút nhân tài, nhân lực chất lượng cao. Thực hiện hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia, tiếp tục ổn định dân di cư tự do, giảm nghèo bền vững. Bảo đảm mọi người dân được

chăm sóc sức khỏe, tiếp cận giáo dục, dịch vụ y tế cơ bản có chất lượng. Gìn giữ và phát huy giá trị văn hóa, truyền thống, bản sắc của các dân tộc, nhất là các dân tộc bản địa.

đ) Sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên thiên nhiên, trọng tâm là tài nguyên rừng, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, các cảnh quan thiên nhiên, hệ thống di sản địa chất của Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông; gắn với bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, thiên tai cực đoan.

e) Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội và chủ quyền biên giới, tăng cường, thắt chặt quan hệ hữu nghị với Vương quốc Campuchia, thông qua các mối liên kết chính trị, kinh tế vùng bền vững, đôi bên cùng phát triển, xây dựng đường biên giới hòa bình, ổn định, hợp tác.

**2. Mục tiêu phát triển đến năm 2030**

a) Mục tiêu tổng quát

Phấn đấu đến năm 2030, Đắk Nông trở thành tỉnh phát triển khá của vùng Tây Nguyên; hệ thống kết cấu hạ tầng được đầu tư đồng bộ; là cửa ngõ quan trọng kết nối giao thương giữa vùng Tây Nguyên và vùng Đông Nam Bộ; trung tâm công nghiệp bô xít - alumin - nhôm của quốc gia, năng lượng tái tạo của vùng; phát triển nền nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, liên kết chuỗi giá trị thị trường; phát triển du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái, phát huy lợi thế về khí hậu, cảnh quan thiên nhiên, văn hóa đặc trưng và Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông. Phát triển bền vững, hài hòa giữa kinh tế và văn hóa, xã hội, môi trường, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội.

b) Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

- Về kinh tế

+ Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) đạt bình quân 9,05%/năm; GRDP bình quân đầu người (giá hiện hành) đạt trên 130 triệu đồng.

+ Cơ cấu kinh tế: Nông, lâm nghiệp đạt khoảng 26,3%; công nghiệp - xây dựng đạt khoảng 27,7%; dịch vụ đạt khoảng 40,8%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm đạt khoảng 5,2%.

+ Tốc độ tăng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh bình quân đạt 12% - 15%/năm.

+ Tỷ lệ huy động vốn đầu tư xã hội/GRDP đạt từ 32% - 35%.

+ Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân trên 6,5%.

+ Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng đạt 50%.

- Về xã hội

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo làm việc trong nền kinh tế đạt 68%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35%.

+ Tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia đạt 73%.

+ Số giường bệnh/vạn dân đạt 32 giường; số bác sĩ/vạn dân đạt 11 bác sĩ; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 95%.

+ Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3%/năm, riêng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ giảm bình quân từ 5%/năm trở lên, theo chuẩn nghèo mới.

+ Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt 90%, tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn nâng cao đạt 50%.

+ Xây dựng, kiện toàn 100% các thiết chế văn hóa, thể thao ở các cấp; củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động, đáp ứng nhu cầu thụ hưởng của nhân dân.

- Về tài nguyên và môi trường

+ Tỷ lệ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh của dân cư đô thị đạt 100%, ở nông thôn đạt 90%.

+ Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị, công nghiệp được thu gom, xử lý theo quy định đạt 100%, chất thải rắn ở nông thôn đạt 90%.

+ Tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 42%. Trồng mới và phát triển trên 21.500 ha rừng, trong đó: Khôi phục chất lượng trên 5.000 ha; trồng mới trên 16.500 ha.

- Về phát triển kết cấu hạ tầng

+ Tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 35%.

+ Tỷ lệ nhựa hóa chung đường tỉnh đạt trên 88%.

+ Tỷ lệ bảo đảm cho diện tích canh tác cần tưới được tưới đạt 90%.

+ Tỷ lệ hộ được sử dụng điện, đảm bảo an toàn đạt 99,5%.

- Về quốc phòng, an ninh: Xây dựng lực lượng quân đội, công an chính quy, hiện đại; giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, phát triển.

**3. Tầm nhìn đến năm 2050**

Trở thành tỉnh phát triển của vùng Tây Nguyên; kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại. Phát triển bền vững, toàn diện về kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường và bảo đảm quốc phòng, an ninh; là trung tâm về công nghiệp nhôm và sau nhôm của quốc gia; nền nông nghiệp công nghệ cao, giá trị cao; là trung tâm du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái của vùng. Trở thành "Tỉnh mạnh - Dân giàu - Thiên nhiên tươi đẹp - Xã hội nghĩa tình".

**4. Các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phát triển**

a) Các nhiệm vụ trọng tâm

- Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút đầu tư trọng tâm, trọng điểm; huy động, quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho phát triển.

- Xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, trọng tâm là hạ tầng giao thông, kết nối các vùng kinh tế động lực và vùng khó khăn, hạ tầng đô thị, hạ tầng thủy lợi.

- Phát triển nguồn nhân lực, đào tạo và thu hút nhân lực chất lượng cao trong các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội quan trọng của địa phương.

b) Các đột phá phát triển

- Phát triển công nghiệp khai thác bô xít - chế biến alumin - luyện nhôm và năng lượng tái tạo.

- Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, liên kết chuỗi giá trị, theo hướng thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, phát huy lợi thế khí hậu, cảnh quan thiên nhiên, văn hóa đặc trưng và Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông.

**III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH QUAN TRỌNG; PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI**

**1. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng**

a) Ngành công nghiệp

Phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, sản xuất, chế biến sâu, có giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường. Phấn đấu chỉ số sản xuất công nghiệp tăng bình quân 20%/năm. Tập trung đầu tư hoàn thiện chuỗi giá trị sản xuất bô xít - alumin - nhôm, sau nhôm; trở thành trung tâm công nghiệp nhôm của

quốc gia. Đầu tư các dự án năng lượng tái tạo theo quy hoạch quốc gia, ưu tiên phát triển các nguồn điện tự sản, tự tiêu. Phát triển các lĩnh vực công nghiệp chế biến thế mạnh. Tập trung một số lĩnh vực chủ yếu sau:

- Công nghiệp bô xít - alumin - nhôm, sau nhôm: Khai thác hiệu quả, phát huy thế mạnh khoáng sản bô xít; ưu tiên các dự án đầu tư theo Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, cụ thể:

+ Hoàn thành, đưa vào vận hành Nhà máy điện phân nhôm Đắk Nông;

+ Cải tiến hiệu suất, nâng công suất Nhà máy sản xuất alumin Nhân Cơ (nâng công suất dây chuyền sản xuất alumin đã có từ 0,65 lên 0,8 triệu tấn alumin/năm); mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất alumin Nhân Cơ (đầu tư mới dây chuyền sản xuất alumin thứ hai công suất 1,2 triệu tấn để đưa công suất toàn nhà máy lên 2,0 triệu tấn alumin/năm);

+ Kêu gọi đầu tư các dự án: Nhà máy Alumin Đắk Nông 2, Nhà máy Alumin Đắk Nông 3, Nhà máy Alumin Đắk Nông 4, Nhà máy Alumin Đắk Nông 5. Gắn với các khu vực, cụm mỏ khai thác theo quy hoạch.

- Năng lượng: Phát triển năng lượng sạch, tái tạo, đầu tư các dự án điện gió, điện mặt trời theo quy hoạch quốc gia, phát triển các nguồn điện tiềm năng khi đảm bảo điều kiện theo quy định; ưu tiên phát triển các nguồn điện tự sản, tự tiêu, sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường.

- Sản xuất, chế biến nông sản: Đầu tư, đổi mới công nghệ, trang thiết bị, ưu tiên công nghệ bảo quản, chế biến, nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm nông sản thế mạnh.

- Phát triển công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng; cơ khí, chế tạo phục vụ cơ giới hóa nông nghiệp; sản xuất hóa chất tại chỗ phục vụ công nghiệp chế biến alumin, luyện nhôm; sản xuất phân bón phục vụ nông nghiệp; chế biến thành phẩm từ cao su, chế biến gỗ hiện đại, tiết kiệm nguyên liệu.

b) Ngành nông, lâm nghiệp

Phát triển nông nghiệp quy mô lớn, giá trị cao, sinh thái, hữu cơ, tuần hoàn, thích ứng với biến đổi khí hậu và an ninh nguồn nước; hình thành các vùng chuyên canh trồng trọt, chăn nuôi tập trung, gắn liền với công nghiệp bảo quản, chế biến

ứng dụng công nghệ cao và liên kết chuỗi giá trị thị trường. Phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với công nghiệp bảo quản, chế biến, nâng cao giá trị sản phẩm. Phát triển nông thôn gắn với nâng cao chất lượng đời sống, thu nhập cho người nông dân. Tập trung một số lĩnh vực chủ yếu:

- Phát triển các cây công nghiệp chủ lực (cà phê, cao su, điều, hồ tiêu) theo hướng tái canh, bền vững và áp dụng tiêu chuẩn, kỹ thuật công nghệ hiện đại. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng hợp lý để phát triển các cây tiềm năng (mắc ca, dược liệu), các cây ăn quả, rau, hoa có giá trị kinh tế cao. Chăn nuôi gia súc, gia cầm theo phương thức nuôi công nghiệp, liên kết và vùng chăn nuôi tập trung, bảo đảm an toàn dịch bệnh, môi trường, gắn với cơ sở chế biến thành phẩm. Gắn sản xuất nông nghiệp với công nghiệp bảo quản, chế biến, nâng cao giá trị sản phẩm.

- Phát triển kinh tế lâm nghiệp, các loại hình kinh tế dưới tán rừng phù hợp, nâng cao đời sống của người làm nghề rừng; phát triển các mô hình nông - lâm kết hợp, xử lý các tranh chấp về đất đai, lấn chiếm đất rừng.

- Phát triển thủy sản tại ao, hồ thủy lợi nhỏ và các giống thủy sản có giá trị kinh tế cao, phù hợp với khí hậu, nguồn nước, nuôi lồng bè ở vùng lòng hồ các công trình thủy lợi, thủy điện lớn trên lưu vực các sông, đảm bảo an toàn môi trường và theo hướng thâm canh, ứng dụng công nghệ cao.

- Phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, nâng cao chất lượng cuộc sống, thu nhập cho người nông dân, ưu tiên đầu tư phát triển nông thôn ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Nghiên cứu, bảo tồn và phát triển các giống cây con đặc trưng bản địa, quý hiếm và giá trị cao của địa phương, từng bước đưa vào sản xuất, cung ứng thị trường. Phát triển các mô hình liên kết hiệu quả giữa doanh nghiệp và người dân, phát triển hợp tác xã nông nghiệp, phát triển các sản phẩm OCOP, phát triển các sản phẩm nông thôn gắn với bảo tồn, phát triển làng nghề.

c) Ngành du lịch

- Phát triển du lịch, đưa Đắk Nông trở thành điểm đến hấp dẫn về du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng gắn liền với khai thác hiệu quả, phát huy các thế mạnh khí hậu, cảnh quan thiên nhiên, văn hóa bản địa và Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông.

- Phát triển tập trung về Khu vực Tà Đùng "Vịnh Hạ Long của Tây Nguyên" và hệ thống di sản, cảnh quan thuộc Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông, liên kết theo hai tuyến quốc lộ tạo thành kết nối chuỗi du lịch từ vùng Đông Nam Bộ - Đắk Nông - Tây Nguyên, từ vùng Duyên hải miền Trung - Lâm Đồng - Đắk Nông - Tây Nguyên.

- Thu hút đầu tư phát triển các dự án khu, điểm du lịch tiềm năng; phát triển khu du lịch hồ Tà Đùng từng bước trở thành khu du lịch cấp quốc gia, tạo thành đột phá, động lực để phát triển du lịch toàn tỉnh. Tập trung phát triển các cơ sở lưu trú du lịch đạt tiêu chuẩn 3 - 5 sao.

- Đa dạng hóa các sản phẩm du lịch, tạo các sản phẩm du lịch mới, độc đáo mang đậm bản sắc riêng. Du lịch văn hóa đặc trưng bản địa; du lịch khám phá di sản địa chất, hang động, núi lửa; du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, thể dục, thể thao gắn với cảnh quan thiên nhiên; du lịch cộng đồng gắn với phong tục, tập quán, lễ hội, ẩm thực của các dân tộc và cảnh quan nông nghiệp, nông thôn. Đa dạng loại hình kinh doanh du lịch, lưu trú, kinh doanh lữ hành, vận chuyển hành khách du lịch. Phát triển nguồn nhân lực du lịch, nhất là nhân lực chuyên nghiệp.

- Phát triển 04 cụm du lịch: Cụm du lịch Gia Nghĩa và vùng phụ cận, Cụm du lịch Tà Đùng và vùng phụ cận, Cụm du lịch Krông Nô và vùng phụ cận, Cụm du lịch Tuy Đức và vùng phụ cận.

**2. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác**

a) Thương mại và dịch vụ

- Phát triển ngành thương mại và dịch vụ hiện đại, mở rộng quy mô, hạ tầng đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân gắn với thúc đẩy phát triển sản xuất nội tỉnh, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của địa phương. Phát triển thị trường nội địa, đẩy mạnh xuất khẩu. Tập trung xuất khẩu sản phẩm có giá trị gia tăng cao, sản phẩm chế biến sâu, phát triển thương mại qua biên giới với Vương quốc Campuchia.

- Phát triển hệ thống chợ có quy mô phù hợp, phát triển mạng lưới các siêu thị, trung tâm thương mại quy mô lớn, hiện đại tại các đô thị Gia Nghĩa, Đắk Mil, Đắk R'Lấp, Cư Jút; phát triển mạng lưới chợ hạng I theo quy hoạch quốc gia. Đầu tư hạ tầng thương mại khu vực cửa khẩu. Đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng thương mại điện tử, phát triển các hình thức mua sắm hiện đại, từng bước phát triển kinh tế ban đêm. Phát triển và mở rộng mạng lưới hệ thống cung cấp dịch vụ tài chính với công nghệ hiện đại.

b) Thông tin, truyền thông và chuyển đổi số

- Đổi mới công tác quản lý, điều hành, xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số và thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh theo hướng ứng dụng công nghệ số để nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh và của các doanh nghiệp. Đến năm 2030, tỷ trọng kinh tế số trong tổng GRDP đạt khoảng 12% - 15%.

- Phát triển đa dạng các loại hình thông tin báo chí, chú trọng phát triển các loại hình thông tin điện tử; ứng dụng công nghệ Internet kết nối vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) trong thu thập và xử lý thông tin, truy xuất chương trình; tăng cường quản lý truyền thông trên nền tảng số.

- Xây dựng, phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin, truyền thông theo hướng đồng bộ, hiện đại, bảo đảm tính gắn kết giữa hạ tầng mạng lưới, hạ tầng số và hạ tầng dữ liệu, trong đó lấy nền tảng số làm giải pháp đột phá.

c) Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Đẩy nhanh nghiên cứu ứng dụng, nhận chuyển giao những thành tựu của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; ưu tiên các lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chọn tạo giống, chế biến và bảo quản nông sản; công nghiệp khoáng sản, bô xít - alumin, năng lượng tái tạo, y tế và thích ứng với biến đổi khí hậu. Tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ mới vào quản lý sản xuất, kết nối cung cầu sản phẩm, nâng cao hiệu suất chế biến sản phẩm.

- Thu hút, thành lập tổ chức khoa học công nghệ, ưu tiên các lĩnh vực công nghiệp và nông nghiệp. Nâng cấp, hoàn thiện và tiếp tục phát triển các tổ chức khoa học công nghệ hiện có. Hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo, thúc đẩy nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh.

d) Giáo dục và đào tạo

Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, phát triển giáo dục, đào tạo theo hướng chuẩn hóa, tiên tiến và hiện đại, có trọng tâm, trọng điểm. Ứng dụng những thành tựu khoa học công nghệ, để đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục, đổi mới phương pháp quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo. Đồng thời, hướng tới giáo dục thân thiện, toàn diện, chú trọng giáo dục kỹ năng, đạo đức, nhận thức pháp luật, năng lực sáng tạo cho học sinh.

- Phân bố và phát triển hệ thống, mạng lưới các cơ sở giáo dục, đào tạo trên cơ sở kế thừa và phát huy những thành quả hiện có, thiết thực và có hiệu quả; phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, trường đạt chuẩn quốc gia.

- Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục; huy động mọi nguồn lực đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo; tăng cường, mở rộng hợp tác, liên kết, phát triển giáo dục chất lượng cao. Thực hiện chuyển một số trường mầm non, trung học sang tự đảm bảo hoặc tự đảm bảo một phần chi thường xuyên ở các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội thuận lợi.

- Quan tâm giáo dục tại các vùng có điều kiện kinh tế còn khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên. Phát triển hệ thống các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục chuyên biệt, nhất là các trường dân tộc nội trú; các trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập, giáo dục thường xuyên, học tập cộng đồng.

đ) Nguồn nhân lực

Phát triển nguồn nhân lực đảm bảo yêu cầu về số lượng, chất lượng và cơ cấu trình độ, cơ cấu ngành nghề, hình thành đội ngũ nhân lực có chất lượng theo chuẩn quốc gia, hướng tới chuẩn quốc tế, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động, góp phần tăng năng suất lao động.

- Phát triển đội ngũ nhân lực khoa học và công nghệ đủ khả năng làm chủ, và chuyển giao các công nghệ tiên tiến, hiện đại. Phát triển nguồn nhân lực trình độ cao trong các lĩnh vực ưu tiên phát triển của tỉnh như: Công nghiệp alumin - nhôm, công nghiệp chế biến, nông nghiệp công nghệ cao, chuyển đổi số, y tế…

- Đào tạo lực lượng lao động có chuyên môn, tay nghề cao, lao động ngành kỹ thuật, lao động dịch vụ và lao động công nghiệp mới, lao động là đồng bào dân tộc thiểu số. Đào tạo các ngành nghề lao động gắn với giải quyết việc làm, đảm bảo người lao động sau học nghề có việc làm và thu nhập ổn định.

e) Y tế

Xây dựng và phát triển hệ thống mạng lưới cơ sở y tế hiện đại, đồng bộ đảm bảo nhân dân được chăm sóc sức khỏe toàn diện. Nâng cao chất lượng dân số, sức khỏe người dân cả về thể chất, tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ.

- Kiện toàn mạng lưới, cơ sở và y tế dự phòng tuyến tỉnh, huyện và xã, phường. Đẩy mạnh xã hội hóa y tế, phát triển các bệnh viện tư nhân, nâng cao năng lực cạnh tranh về cung ứng dịch vụ y tế.

- Xây dựng đội ngũ y tế đảm bảo năng lực, y đức, tiếp cận trình độ của khu vực và cả nước. Phát triển đông y, phát triển và ứng dụng cây dược liệu bản địa.

g) Văn hóa, thể thao

- Đầu tư bảo tồn, phát huy các giá trị di tích, di sản văn hóa vật thể, phi vật thể tiêu biểu có ý nghĩa chính trị, văn hóa, lịch sử. Xây dựng và phát triển nền văn hóa của tỉnh theo hướng hiện đại, đậm đà bản sắc. Chăm lo đời sống văn hóa, tinh thần của người dân.

- Phát triển thể dục, thể thao nâng cao sức khỏe thể chất và tinh thần của nhân dân. Đầu tư, trang bị cơ sở vật chất và nhân lực để phát triển thể dục, thể thao trường học; phát triển phong trào thể dục, thể thao quần chúng; đào tạo, bồi dưỡng có chọn lọc các môn thể thao thành tích cao. Thu hút xã hội hóa phát triển thể dục, thể thao chuyên nghiệp.

h) Giảm nghèo, an sinh xã hội

Gắn phát triển kinh tế với đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững. Thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người có công, chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; đảm bảo an sinh xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, ổn định dân di cư tự do; có chính sách hỗ trợ người nghèo, các đối tượng yếu thế được tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản, tạo việc làm bền vững.

i) Quốc phòng, an ninh

Phát triển kinh tế - xã hội kết hợp với xây dựng, củng cố thế trận quốc phòng, an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, bố trí không gian các khu vực có vị trí địa hình trọng yếu phục vụ cho nhiệm vụ quốc phòng. Nâng cao hiệu quả, khả năng sẵn sàng chiến đấu đáp ứng được nhu cầu bảo vệ đất nước. Chủ động nắm chắc tình hình, phát hiện từ sớm, từ xa các nguy cơ về an ninh, trật tự để xử lý kịp thời, không để bị động bất ngờ. Giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm an ninh con người và an ninh mạng; đấu tranh, phòng, chống có hiệu quả tội phạm và vi phạm pháp luật; đảm bảo trật tự xã hội, an toàn giao thông, phòng, chống cháy nổ.

**3. Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội**

Tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội theo mô hình "Một trung tâm - Ba cực động lực tăng trưởng - Bốn hành lang kinh tế - Bốn tiểu vùng phát triển".

a) Thành phố Gia Nghĩa là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học - công nghệ của tỉnh; là đô thị hạt nhân của tiểu vùng Nam Tây Nguyên, liên kết với vùng Đông Nam Bộ, Thành phố Hồ Chí Minh. Thành phố Gia Nghĩa tiếp nhận sự phát triển lan tỏa của vùng, quốc gia thông qua Ba cực động lực tăng trưởng và Bốn hàng lang kinh tế, lan tỏa đến Bốn tiểu vùng phát triển.

b) Ba cực động lực tăng trưởng, gồm:

- Cực động lực trung tâm hình thành từ chuỗi đô thị Đắk R'Lấp - Gia Nghĩa - Quảng Khê, với hạt nhân trung tâm là đô thị Gia Nghĩa. Hình thành cực tăng trưởng và đầu mối kinh tế kỹ thuật và dịch vụ trung tâm của tỉnh với chức năng chính là đô thị dịch vụ, công nghiệp, du lịch.

- Cực động lực phía Bắc hình thành từ đô thị hạt nhân Ea T'Ling (huyện Cư Jút) và đô thị Đắk Mâm (huyện Krông Nô). Hình thành cực động lực có chức năng đô thị dịch vụ, du lịch và công nghiệp gắn với quần thể hang động, núi lửa và các điểm du lịch, khu công nghiệp.

- Cực động lực phía Tây Bắc chạy dọc hành lang kinh tế biên giới với hạt nhân trung tâm là đô thị Đắk Mil và đô thị Đức An (huyện Đắk Song), đô thị Đắk Búk So (huyện Tuy Đức). Hình thành cực động lực kinh tế mậu biên, gắn với 02 cửa khẩu Đắk Peur và Bu Prăng.

c) Bốn trục hàng lang kinh tế, gồm:

- Trục hành lang đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 14: Hành lang phát triển theo hướng Bắc - Nam, đóng vai trò huyết mạch giao thương của tỉnh với các tỉnh trung tâm vùng Tây Nguyên, các tỉnh Đông Nam Bộ, thành phố Hồ Chí Minh. Nằm trên trục hành lang có các huyện Cư Jút, Đắk Mil, Đắk Song, thành phố Gia Nghĩa, Đắk R'Lấp.

- Trục hành lang đường Quốc lộ 28: Hành lang phát triển về phía Lâm Đồng và các tỉnh Duyên hải Miền Trung, kết nối từ đô thị Gia Nghĩa đến huyện Đắk Glong và nhánh hướng lên phía Bắc, kết nối với huyện Krông Nô.

- Trục hành lang đường Quốc lộ 14C: Hành lang phát triển theo biên giới phía Tây, phát triển kinh tế mậu biên, kết hợp bảo vệ an ninh quốc phòng. Trục hành lang kết nối các huyện Tuy Đức, Đắk Song, Đắk Mil, Cư Jút.

- Trục hàng lang đường Cao tốc CT02 (hình thành sau khi đầu tư hoàn thành các đoạn tuyến của dự án): Cơ bản theo trục hành lang Hồ Chí Minh - Quốc lộ 14, với chất lượng cao hơn, trọng điểm hơn, thúc đẩy phát triển nhanh hơn.

d) Bốn tiểu vùng kinh tế - xã hội, gồm:

- Tiểu vùng trung tâm, gồm thành phố Gia Nghĩa và huyện Đắk R'Lấp. Tiểu vùng phát triển công nghiệp, du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Tiểu vùng phía Bắc, gồm huyện Đắk Mil và huyện Cư Jút. Tiểu vùng phát triển công nghiệp, du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và kinh tế cửa khẩu.

- Tiểu vùng phía Đông, gồm huyện Krông Nô và huyện Đắk Glong. Tiểu vùng phát triển du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp.

- Tiểu vùng phía Tây, gồm của huyện Đắk Song, huyện Tuy Đức. Tiểu vùng phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp và kinh tế cửa khẩu.

**4. Định hướng sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã**

Rà soát, sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2021 - 2030 theo Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24 tháng 12 năm 2018, Kết luận số 48- KL/TW ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 35/2023/NQ-UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.

Phạm vi, ranh giới, tên địa lý và phương án sắp xếp cụ thể các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

## IV. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ TỔ CHỨC LÃNH THỔ KHU VỰC NÔNG THÔN

**1. Phương án quy hoạch hệ thống đô thị**

a) Phát triển hệ thống đô thị hài hòa, phù hợp với tiềm năng, lợi thế của từng đô thị, sử dụng hiệu quả đất đai; tập trung phát triển đô thị là trung tâm các vùng động lực chính của tỉnh.

b) Khi có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, phấn đấu đến năm 2030 có 10 đô thị, bao gồm: 01 đô thị loại II (Thành phố Gia Nghĩa), 01 đô thị loại III (Thị xã Đắk Mil), 02 đô thị loại IV (Thị xã Đắk R'Lấp, Thị xã Cư Jút), phấn đấu đạt 04 đô thị loại IV (Đắk Mâm, Đức An, Quảng Khê, Đắk Búk So) và 02 đô thị loại V (Quảng Sơn, Nâm N'Jang).

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

**2. Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn**

a) Bố trí hệ thống điểm dân cư nông thôn trên cơ sở hiện trạng phân bố dân cư, địa điểm xây dựng các điểm dân cư nông thôn ít bị tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu, không thuộc khu vực tiềm ẩn nguy cơ sạt lở; kết nối với các tuyến đường liên xã, liên vùng. Phù hợp truyền thống văn hóa, tập quán sinh hoạt. Tổ chức các điểm dân cư kết hợp các khu sản xuất tạo thành tổng thể hoàn chỉnh, đồng bộ, đảm bảo về môi trường, ổn định và phát triển bền vững.

b) Tổ chức và định hướng đầu tư vùng dân cư nông thôn, gồm: Vùng I (dân cư vùng ven các đô thị): Đầu tư theo hướng liên kết chuỗi, đồng bộ với các đô thị. Vùng II (dân cư vùng sản xuất nông nghiệp): Đầu tư theo hướng tập trung dân cư, củng cố trung tâm xã, hình thành các trung tâm phụ trên địa bàn xã có diện tích lớn. Vùng III (dân cư vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn, phân bố phân tán, rải rác): Đầu tư theo hướng tập trung ổn định dân cư, đảm bảo các cơ sở hạ tầng thiết yếu, đầu tư hạ tầng liên kết đến các trung tâm xã, cụm xã.

**V. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU CHỨC NĂNG**

**1. Phương án phát triển hệ thống khu công nghiệp**

Thu hút nguồn vốn, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp đồng bộ, phát triển hệ thống các khu công nghiệp, đóng vai trò trung tâm để phát triển ngành công nghiệp alumin - nhôm. Nghiên cứu, sử dụng hiệu quả quỹ đất hoàn thổ sau khai thác bô xít, tạo quỹ đất quy hoạch phát triển các khu công nghiệp, hướng đến xây dựng các khu công nghiệp sinh thái, thân thiện môi trường. Hoàn thiện hạ tầng và thu hút đầu tư, đạt tỷ lệ lấp đầy cao đối với 03 khu công nghiệp hiện có.

Sau năm 2030, thành lập thêm 04 khu công nghiệp: Đắk Ru, Quảng Sơn, Đắk Song I và Đắk Song II. Phấn đấu đảm bảo các điều kiện để phát triển thêm 01 khu công nghiệp trước năm 2030.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo).

**2. Phương án phát triển cụm công nghiệp**

Hình thành các cụm công nghiệp theo hướng là vệ tinh cho các khu công nghiệp, di dời các cơ sở sản xuất phân tán vào các cụm công nghiệp. Phấn đấu mỗi đơn vị cấp huyện thành lập 01 cụm công nghiệp, ưu tiên các vị trí phù hợp, thuận lợi, bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả đất. Nâng tổng số cụm công nghiệp trên địa bàn lên thành 11 cụm.

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo).

**3. Phương án phát triển khu nghiên cứu, đào tạo**

Đầu tư, thu hút đầu tư phát triển các khu nghiên cứu, đào tạo trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục đầu tư, nâng cấp Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Đắk Nông tại thành phố Gia Nghĩa.

**4. Phương án phát triển khu du lịch**

Thu hút đầu tư, gắn liền với công tác bảo tồn, phát huy các cảnh quan thiên nhiên, di sản địa chất, hồ, thác, rừng trở thành các khu, điểm du lịch hấp dẫn, phát triển thành các khu du lịch trọng điểm của tỉnh, phát triển Khu du lịch Hồ Tà Đùng gắn với Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông định hướng trở thành khu du lịch cấp quốc gia.

**5. Phương án phát triển khu thể dục, thể thao**

Đầu tư phát triển các khu thể dục, thể thao đồng bộ, hiện đại. Xây dựng Khu liên hợp thể thao tỉnh tại thành phố Gia Nghĩa. Xây dựng và nâng cấp các sân vận động cấp huyện. Nghiên cứu, thu hút đầu tư xây dựng và kinh doanh sân gôn tại các khu du lịch, tổ hợp khách sạn, nghỉ dưỡng - thể thao khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng và kinh doanh sân gôn.

**6. Phương án phát triển các khu bảo tồn, khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh**

Bảo tồn, tu bổ, cải tạo, phát triển các di tích lịch sử, văn hóa, thắng cảnh được công nhận trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục phát hiện, sưu tầm, nghiên cứu, trình hồ sơ công nhận các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.

**7. Phương án phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung**

a) Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: Phấn đấu đến năm 2030 hình thành 25 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sản xuất tập trung với diện tích trên 10.000 ha; định hướng đến năm 2050, hình thành 35 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với quy mô diện tích trên 14.300 ha.

b) Vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi tập trung: Phát triển chăn nuôi theo hướng tập trung quy mô trang trại an toàn sinh học, bảo vệ tốt môi trường, phấn đấu đến năm 2030 xây dựng 19 vùng/khu khuyến khích phát triển cơ sở chăn nuôi tập trung với diện tích trên 4.500 ha.

**8. Phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn**

Phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, giảm nghèo bền vững trên địa bàn các xã thuộc khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn và các thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh. Thực hiện lồng ghép có hiệu quả các nguồn lực đầu tư của trung ương và địa phương, thực hiện hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia.

**9. Phương án phát triển khu quân sự, khu an ninh**

- Xây dựng khu quân sự, khu an ninh bảo đảm thế trận quốc phòng trong khu vực phòng thủ tỉnh vững chắc, các khu vực sẵn sàng phục vụ cho nhiệm vụ quốc phòng; đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ quốc phòng an ninh, giữ gìn trật tự an toàn xã hội từng khu vực, địa phương trên địa bàn tỉnh.

- Việc bố trí xây dựng các công trình quốc phòng trên địa bàn được thực hiện theo bản đồ xác định các khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng của Bộ Quốc phòng phê duyệt. Điều chỉnh diện tích đất quốc phòng để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh khi phương án được Bộ Quốc phòng trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

**VI. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT**

**1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông**

a) Thực hiện theo quy hoạch ngành quốc gia đối với quy hoạch các tuyến cao tốc, quốc lộ, đường sắt, cảng cạn, cảng hàng không; trong đó:

- Phát triển mạng lưới đường cao tốc, quốc lộ trên địa bàn tỉnh theo quy hoạch mạng lưới đường bộ quốc gia, gồm: Tuyến đường cao tốc Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước); Tuyến đường cao tốc Buôn Ma Thuột (Đắk Lắk) - Gia Nghĩa (Đắk Nông).

- Xây dựng Tuyến Đường sắt Đắk Nông - Chơn Thành thuộc tuyến đường sắt kết nối các tỉnh khu vực Tây Nguyên theo quy hoạch mạng lưới đường sắt quốc gia.

b) Phương án phát triển hạ tầng giao thông cấp tỉnh

- Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, tạo thành mạng lưới giao thông liên hoàn, kết nối thuận lợi. Đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo 09 tuyến đường cấp tỉnh để tạo thành mạng lưới hài hòa, tăng khả năng kết nối; Đầu tư xây dựng mới 03 tuyến đường vành đai, 01 tuyến đường kết nối thành phố Gia Nghĩa (Đắk Nông) với huyện Bảo Lâm (Lâm Đồng).

(Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo)

- Hệ thống đường đô thị, đường huyện, đường xã, đường thôn, buôn được quy hoạch và triển khai thực hiện theo quy hoạch đô thị, nông thôn, quy hoạch xây dựng vùng huyện và liên huyện.

**2. Phương án phát triển mạng lưới cấp điện**

Phát triển mạng lưới cấp điện thống nhất, đồng bộ, phù hợp với quan điểm, mục tiêu, định hướng, phương án, tiêu chí, luận chứng theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các quyết định, quy định có liên quan của cấp có thẩm quyền.

a) Nguồn điện

Đầu tư các dự án nguồn điện thống nhất, đồng bộ, phù hợp với kế hoạch, điều kiện, tiêu chí, luận chứng tại Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII), Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII và các quyết định, quy định có liên quan của cấp có thẩm quyền.

Nghiên cứu phát triển nguồn điện trên địa bàn tỉnh tại các vị trí có tiềm năng; ưu tiên khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn năng lượng tái tạo.

b) Mạng lưới truyền tải, phân phối

Đầu tư các dự án nguồn điện cấp quốc gia, lưới điện 500kV, 220kV theo quy hoạch quốc gia. Phát triển lưới điện truyền tải và phân phối gắn với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Ưu tiên nguồn điện phục vụ cho sản xuất và cho các khu, cụm công nghiệp, khu vực chế biến alumin - nhôm trên địa bàn tỉnh, đáp ứng nhu cầu điện cho phát triển kinh tế - xã hội và sinh hoạt.

(Chi tiết tại Phụ lục V và Phụ lục VI kèm theo).

**3. Phương án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông**

Nâng cấp, xây mới hạ tầng mạng lưới bưu chính, chuyển đổi hạ tầng truyền thống sang hạ tầng số, phát triển thương mại điện tử và logistics; thúc đẩy cung ứng dịch vụ công qua mạng bưu chính công cộng. Khuyến khích đầu tư xây dựng, vận hành và chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng bưu chính. Xây dựng 05 trung tâm logistics của bưu chính. Xây dựng tuyến truyền dẫn quang nội tỉnh đồng bộ, phát triển hạ tầng băng rộng. Mở rộng, nâng cao chất lượng vùng phủ sóng và đa dạng

dịch vụ thông tin di động, đến năm 2030 tỷ lệ dân cư được phủ sóng 5G đạt trên 45%. Hoàn thành chuyển đổi số các cơ quan báo chí nòng cốt theo mô hình tòa soạn hội tụ, cơ quan truyền thông đa phương tiện.

**4. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi**

a) Phân vùng thủy lợi, gồm: Vùng lưu vực sông Srêpôk; Vùng lưu vực sông Krông Nô; Vùng lưu vực sông Đồng Nai; Vùng lưu vực sông Bé.

b) Đầu tư nâng cấp, xây mới các công trình thủy lợi, nâng tổng diện tích cấp nước tưới đến năm 2030 là đạt khoảng 78.900 ha. Nâng tỷ lệ được cấp nước tưới của các công trình thủy lợi đạt khoảng 40%. Diện tích được tưới từ các công trình thủy điện, ao, hồ nhỏ, sông suối và nguồn nước ngầm khoảng 90.000 ha. Nâng tỷ lệ diện tích được tưới đạt 90% so với diện tích yêu cầu tưới.

(Chi tiết tại Phụ lục VII kèm theo)

**5. Phương án phát triển mạng lưới cấp nước**

a) Phân vùng cấp nước

Vùng 1 vùng Gia Nghĩa, bao gồm đô thị Gia Nghĩa là đô thị hạt nhân; đô thị Đắk R’Lấp; Đô thị Quảng Khê; đô thị Quảng Sơn. Vùng 2 vùng Ea T'ling, bao gồm các đô thị Cư Jút là đô thị trung tâm và đô thị Đắk Mâm. Vùng 3 vùng phía Tây, bao gồm các đô thị: Đắk Mil là đô thị trung tâm; đô thị Đức An, đô thị Nâm N’Jang và đô thị Đắk Búk So.

b) Công trình đầu mối cấp nước

Ưu tiên cải tạo, nâng cấp công suất các công trình cấp nước hiện có để đảm bảo cấp nước cho các đô thị mới và các khu vực nông thôn lân cận. Xây dựng mới một số nhà máy nước lấy nguồn từ các sông, hồ, đáp ứng yêu cầu phát triển. Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới các công trình cấp nước tập trung cho các điểm dân cư tập trung, các trung tâm xã.

(Chi tiết tại Phụ lục VIII kèm theo)

**6. Phương án phát triển hệ thống thoát nước, xử lý nước thải**

a) Hệ thống thoát nước mặt

Toàn tỉnh chia làm 04 lưu vực chính thoát nước mặt ra các sông Sêrêpôk, sông Krông Nô, sông Đồng Nai, sông Đắk Huýt (nhánh sông Bé). Hệ thống thoát nước thiết kế chảy tự nhiên, đảm bảo tiêu thoát nước, hạn chế đào đắp.

b) Phương án phát triển hệ thống xử lý nước thải

Hệ thống trạm xử lý nước thải được xây phân tán, mỗi đô thị sẽ bố trí từ 01 đến 02 lưu vực tùy vào nhu cầu. Nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý là hệ thống thoát nước mặt trên địa bàn, đảm bảo đủ khoảng cách và yêu cầu kỹ thuật theo quy định. Các khu chức năng, cơ sở sản xuất, cơ sở y tế, điểm tập trung dân cư, cơ sở chăn nuôi phải bảo đảm nước thải trước khi thải ra môi trường đáp ứng theo quy định.

**7. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải, nghĩa trang**

a) Phương án phát triển các khu xử lý chất thải

Đẩy mạnh xây dựng và triển khai đề án phân loại chất thải rắn tại nguồn; Xây dựng các khu xử lý chất thải đảm bảo vị trí và khoảng cách an toàn về môi trường. Xây dựng 09 điểm, khu xử lý chất thải rắn các huyện, thành phố. Trong đó, Khu xử lý xã Đắk Nia, thành phố Gia Nghĩa bao gồm cả xử lý chất thải thông thường cho vùng Gia Nghĩa và xử lý chất thải nguy hại cho toàn tỉnh. Nâng cấp, chuyển đổi công nghệ thu gom, xử lý chất thải tiên tiến, ưu tiên công nghệ đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

(Chi tiết tại Phụ lục IX kèm theo)

b) Phương án phát triển nghĩa trang

Xây dựng 03 nhà tang lễ, nhà hỏa táng cấp vùng cho các đô thị. Các đô thị riêng lẻ xây dựng khu nghĩa trang và nhà tang lễ riêng. Xây dựng chỉnh trang các cụm nghĩa trang nhân dân nhỏ, các khu đất để xây dựng đô thị di dời xây dựng khu nghĩa trang mới, đóng cửa cải tạo các khu quá gần khu dân cư.

**8. Phương án phát triển phòng cháy và chữa cháy**

Xây dựng các công trình hạ tầng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; xây dựng tối thiểu 01 đội Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ tại trung tâm các huyện, thành phố; đảm bảo công tác phòng cháy chữa cháy cho các khu đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu thương mại có nguy cơ cháy, nổ cao; rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; bảo đảm thuận tiện về giao thông, nguồn nước, thông tin liên lạc, phù hợp với quy hoạch ngành quốc gia về hạ tầng phòng cháy chữa cháy, đáp ứng các quy định hiện hành.

## VII. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG XÃ HỘI

### 1. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở y tế

a) Nâng cao năng lực toàn hệ thống; đầu tư mới, nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất, trang thiết bị, mở rộng hệ thống, phát triển nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng dịch vụ đáp ứng yêu cầu hoạt động trong tình hình mới, tạo cơ hội cho mọi người dân được bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe với chất lượng cao. Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống y tế dự phòng và kiểm soát bệnh tật. Đẩy mạnh thu hút đầu tư, hình thành hệ thống y tế tư nhân chất lượng cao.

b) Đầu tư, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, đáp ứng yêu cầu hoạt động trong tình hình mới đối với các cơ sở y tế, gồm: 01 Bệnh viện đa khoa tỉnh, 03 trung tâm tuyến tỉnh; 08 Trung tâm y tế huyện/thành phố và 71 Trạm y tế xã/phường.

c) Đầu tư, phát triển các cơ sở y tế mới phù hợp với yêu cầu phát triển.

(Chi tiết tại Phụ lục X kèm theo)

### 2. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục

a) Đầu tư xây dựng mới, nâng cấp mạng lưới trường lớp mầm non, phổ thông đồng bộ, chuẩn hóa và hiện đại.

b) Khuyến khích xã hội hóa, đầu tư phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập phù hợp với tình hình phát triển giáo dục, đào tạo của địa phương, đẩy nhanh phát triển hệ thống trường mầm non tư thục, phổ thông tư thục ở các địa bàn khu, cụm công nghiệp và đô thị mới. Ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo đối với vùng dân tộc thiểu số, biên giới, vùng sâu, vùng xa.

(Chi tiết tại Phụ lục XI kèm theo)

### 3. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp

a) Đầu tư thành lập mới, mở rộng và nâng cấp các trường cao đẳng, trung cấp nghề, trung cấp chuyên nghiệp, trường dạy nghề, trung tâm giáo dục thường xuyên, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ. Đẩy mạnh xã hội hóa thành lập các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập.

b) Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, nâng cấp Trường Cao đẳng Cộng đồng Đắk Nông đạt cơ sở đào tạo nghề chuẩn quốc gia. Phát triển các trung tâm giáo dục thường xuyên theo hướng hợp nhất với trung tâm dạy nghề của các huyện trở thành Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Dạy nghề và Giới thiệu việc làm. Củng cố, phát triển, phát huy hiệu quả của các trung tâm học tập cộng đồng.

**4. Phương án phát triển thiết chế văn hóa, thể thao**

a) Đẩy mạnh công tác xã hội hóa văn hóa, thể thao, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng nhằm phát triển toàn diện lĩnh vực văn hóa, thể thao, đáp ứng yêu cầu về hoạt động chuyên môn và đáp ứng vai trò hạ tầng văn hóa, thể thao của xã hội.

b) Đầu tư phát triển các khu, điểm thể dục, thể thao đồng bộ, hiện đại, đáp ứng nhu cầu luyện tập, thi đấu, rèn luyện thể thao chuyên nghiệp và quần chúng, sinh hoạt văn hóa của nhân dân. Xây dựng, nâng cấp các sân vận động tại các huyện và thành phố Gia Nghĩa. Ưu tiên đầu tư các thiết chế văn hóa, thể thao cấp tỉnh và các cơ sở khác phù hợp với yêu cầu phát triển.

(Chi tiết tại Phụ lục XII kèm theo)

**5. Phương án phát triển hạ tầng thương mại**

Phát triển hạ tầng thương mại theo hướng kết hợp đồng bộ giữa thương mại truyền thống với thương mại hiện đại và thương mại điện tử, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh và lưu thông hàng hóa, dịch vụ. Khuyến khích thu hút đầu tư, xã hội hóa để phát triển trung tâm logistics, trung tâm đầu mối, trung tâm thương mại, siêu thị, chợ đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế của địa phương. Xây dựng mới, nâng cấp chợ hạng I theo quy hoạch quốc gia. Thu hút, xây dựng mới các chợ truyền thống, bảo đảm mỗi phường, xã có 01 chợ. Xây dựng cụm kho ngoại quan tại khu vực cửa khẩu. Đầu tư trung tâm logistics tại khu vực huyện Đắk R'Lấp và huyện Đắk Mil. Xây dựng Trung tâm hội chợ, triển lãm tỉnh tại thành phố Gia Nghĩa.

**6. Phương án phát triển cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng; cơ sở trợ giúp xã hội**

Phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội đủ năng lực, quy mô, từng bước hiện đại hóa, bảo đảm cung cấp dịch vụ về trợ giúp xã hội theo tiêu chuẩn quốc gia. Nâng cấp các cơ sở nuôi dưỡng và điều dưỡng người có công, nâng cấp một số cơ sở trợ giúp xã hội cả công lập và ngoài công lập nhằm đảm bảo đầy đủ điều kiện chăm sóc, trợ giúp cho người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, người tâm thần, người nghiện ma túy và đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp. Ưu tiên đầu tư phát triển các cơ sở xã hội cấp tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục XIII kèm theo).

**7. Phương án phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ**

- Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng khoa học - công nghệ hiện đại, đồng bộ, đồng thời phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ chất lượng cao. Đầu tư phát triển các tổ chức khoa học công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh. Tập trung tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhà xưởng, phòng thí nghiệm cho các tổ chức khoa học công nghệ công lập.

- Đầu tư, nâng cấp Trạm Ứng dụng và Phát triển công nghệ sinh học tại huyện Đắk R'Lấp, Trung tâm Thông tin, Kỹ thuật và Ứng dụng khoa học công nghệ tỉnh Đắk Nông tại thành phố Gia Nghĩa. Đầu tư xây mới Trung tâm nghiên cứu nông nghiệp công nghệ cao vùng Tây Nguyên tại thành phố Gia Nghĩa.

**VIII. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỔ VÀ KHOANH VÙNG ĐẤT ĐAI**

1. Nguồn lực đất đai phải được điều tra, đánh giá, thống kê, kiểm kê, lượng hóa, hạch toán đầy đủ trong nền kinh tế, được quy hoạch sử dụng hiệu quả, hợp lý, tiết kiệm, bền vững với tầm nhìn dài hạn; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; phát triển giáo dục, văn hóa, thể thao; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; tạo động lực cho sự phát triển của tỉnh. Đảm bảo việc bố trí sử dụng đất hợp lý trên cơ sở cân đối nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực phù hợp với chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 được Thủ tướng Chính phủ phân bổ và nhu cầu sử dụng đất đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển của tỉnh.

2. Các chỉ tiêu diện tích chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp, đất ở, đất phát triển hạ tầng được tính toán, xác định trên cơ sở tuân thủ chỉ tiêu sử dụng đất Quốc gia, định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực và nhu cầu phát triển của địa phương để triển khai các phương án phát triển theo không gian, lãnh thổ và các công trình, dự án hạ tầng, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Việc triển khai các dự án sau khi Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt phải bảo đảm phù hợp với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 05 năm 2021 - 2025 phân bổ cho tỉnh Đắk Nông theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông có trách nhiệm xây dựng kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất cấp huyện phù hợp với phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất trong Quy hoạch tỉnh để làm căn cứ thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội, vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật.

(Chi tiết tại Phụ lục XIV kèm theo)

**IX. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG LIÊN HUYỆN, VÙNG HUYỆN**

**1. Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện**

a) Toàn tỉnh phân thành 04 vùng, gồm 02 vùng đô thị và 02 vùng liên huyện.

b) Vùng đô thị (đồng thời là tiểu vùng kinh tế - xã hội), gồm:

- Vùng trung tâm đô thị Gia Nghĩa bao gồm thành phố Gia Nghĩa và huyện Đắk R'Lấp trở thành thị xã trước năm 2030.

- Vùng đô thị phía Bắc bao gồm huyện Đắk Mil và huyện Cư Jút, trở thành các thị xã trước năm 2030.

- Các vùng đô thị thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị, đảm bảo các định hướng phát triển hệ thống đô thị của tỉnh.

c) Vùng liên huyện (đồng thời là tiểu vùng kinh tế - xã hội), gồm:

- Vùng liên huyện phía Đông bao gồm huyện Krông Nô và huyện Đắk Glong, định hướng phát triển vùng du lịch, sinh thái và nghỉ dưỡng.

- Vùng liên huyện phía Tây bao gồm huyện Đắk Song và huyện Tuy Đức, định hướng phát triển nông nghiệp và kinh tế mậu biên.

- Ưu tiên đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng liên huyện, phát huy tiềm năng lợi thế của các vùng liên huyện, tiểu vùng kinh tế xã hội.

**2. Phương án quy hoạch xây dựng vùng huyện**

a) Vùng huyện Tuy Đức: Định hướng phát triển theo hướng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, năng lượng tái tạo gắn với thương mại dịch vụ, kinh tế mậu biên tại cửa khẩu Bu Prăng.

b) Vùng huyện Đắk Glong: Định hướng phát triển theo hướng nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp khai khoáng, phát triển du lịch nghỉ dưỡng gắn với Khu du lịch tiềm năng quốc gia Tà Đùng.

c) Vùng huyện Đắk Song: Định hướng phát triển theo hướng nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp khai khoáng và năng lượng tái tạo.

d) Vùng huyện Krông Nô: Định hướng phát triển theo hướng nông nghiệp công nghệ cao, năng lượng tái tạo, phát triển du lịch sinh thái gắn với Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông.

đ) Xây dựng phương án phát triển các vùng huyện, ưu tiên đầu tư, thu hút đầu tư theo định hướng, đảm bảo phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương, phát triển kinh tế xã hội nhanh và bền vững.

## X. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN, ĐA DẠNG SINH HỌC, PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

### 1. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh

a) Về phân vùng môi trường

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt: Vườn quốc gia Yok Đôn; Khu bảo vệ cảnh quan Đray Sáp - Gia Long; Khu dự trữ thiên nhiên Nâm Nung; Vườn quốc gia Tà Đùng; rừng phòng hộ đầu nguồn; khu dân cư tập trung tại đô thị loại III (thành phố Gia Nghĩa); khu vực sử dụng nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt tại thành phố Gia Nghĩa, các huyện Krông Nô, Cư Jút, Tuy Đức, Đắk Glong, Đắk Song, Đắk R’Lấp, Đắk Mil và Đắk Glong; Di tích lịch sử Đường Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh; Vùng lõi của di sản thiên nhiên và vùng có các yếu tố, đối tượng nhạy cảm đặc biệt khác cần bảo vệ nghiêm ngặt.

- Vùng hạn chế phát thải: Vùng đệm của: Vườn quốc gia Yok Đôn, Khu bảo vệ cảnh quan Đray Sáp - Gia Long, Khu dự trữ thiên nhiên Nâm Nung, Vườn quốc gia Tà Đùng; Khu vực bảo vệ 2 của Di tích lịch sử Đường Trường Sơn - Đường Hồ Chí Minh; Hành lang bảo vệ nguồn nước mặt dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; Khu dân cư tập trung là nội thành, nội thị của các đô thị loại IV, loại V; Vùng rừng sản xuất; Khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm môi trường khác cần được bảo vệ.

- Vùng khác: Các vùng còn lại trên địa bàn tỉnh.

b) Về bảo tồn đa dạng sinh học

- Bảo tồn, phát triển và sử dụng bền vững tài nguyên đa dạng sinh học về các nguồn gen, loài sinh vật và hệ sinh thái phong phú trên địa bàn tỉnh. Xây dựng Trung tâm cứu hộ động vật hoang dã tại các vườn quốc gia, khu dự trữ, khu bảo tồn.

- Tích hợp, lồng ghép chương trình kế hoạch bảo tồn đa dạng sinh học vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Phát triển nguồn nhân lực, tăng cường nguồn lực đảm bảo phục vụ công tác bảo tồn đa dạng sinh học.

- Tổ chức quản lý hiệu quả 04 khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học: Vườn Quốc Gia Yok Đôn; Khu dự trữ thiên nhiên Nâm Nung; Vườn quốc gia Tà Đùng; Khu bảo vệ cảnh quan (văn hóa, lịch sử, môi trường) Đray Sáp - Gia Long.

(Chi tiết tại Phụ lục XV kèm theo)

c) Về quan trắc chất lượng môi trường

Phát triển cơ sở hạ tầng, thiết bị, mạng lưới quan trắc cho từng loại môi trường; xây dựng các điểm quan trắc tự động. Đến năm 2030, phấn đấu có 60 trạm, điểm quan trắc định kỳ môi trường nước mặt, 50 điểm quan trắc định kỳ môi trường nước dưới đất, 80 điểm quan trắc định kỳ môi trường không khí xung quanh, 30 điểm quan trắc định kỳ môi trường đất và 20 điểm quan trắc định kỳ môi trường trầm tích và chất thải.

d) Về phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp

Phát triển rừng bền vững gắn với bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng hiện có; tập trung trồng rừng tập trung, trồng cây phân tán và phục hồi rừng tự nhiên, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng. Xây dựng đường lâm nghiệp phục vụ sản xuất lâm nghiệp, phát triển rừng và tuần tra, bảo vệ, phòng cháy chữa cháy rừng. Xây dựng các công trình kiểm soát, bảo vệ rừng và các công trình phòng, chống cháy rừng. Xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ công tác nghiên cứu và bảo tồn.

**2. Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản**

- Bảo vệ, khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên khoáng sản hợp lý, hiệu quả, tiết kiệm, phục vụ nhu cầu hiện tại, có tính đến sự phát triển khoa học công nghệ và nhu cầu khoáng sản trong tương lai, không làm ảnh hưởng môi trường, các danh lam, thắng cảnh và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh phải phù hợp với Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, các quy hoạch ngành quốc gia và quy định khác có liên quan.

(Chi tiết tại Phụ lục XVI kèm theo)

**3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra**

a) Phân vùng tài nguyên nước: Theo phân vùng thủy lợi.

(Chi tiết tại Phụ lục XVII kèm theo)

b) Phân bổ tài nguyên nước

Thứ tự ưu tiên phân bổ tài nguyên nước của tỉnh: Đảm bảo đủ nước sử dụng cho sinh hoạt cả về số lượng và chất lượng; Đảm bảo dòng chảy tối thiểu cho môi trường để duy trì hệ sinh thái thủy sinh trên các sông chính của từng khu dùng nước; Đảm bảo yêu cầu nước cho phát triển công nghiệp, ưu tiên các khu công nghiệp tập trung, cụm công nghiệp đóng góp giá trị kinh tế lớn cho tỉnh; Đảm bảo cung cấp nước cho ngành nông nghiệp (bao gồm chăn nuôi, trồng trọt, thủy sản.

c) Bảo vệ tài nguyên nước

Ưu tiên cao nhất bảo vệ nguồn nước các sông, đoạn sông có khai thác nước cấp cho sinh hoạt với yêu cầu bảo đảm cả số lượng và chất lượng trong mọi tình huống; Các nguồn nước có giá trị đa dạng sinh học cao, có giá trị lịch sử, bảo tồn văn hóa; Nguồn nước, cảnh quan môi trường và hệ sinh thái của tất cả các sông trục chính, chịu tác động của nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp, làng nghề, nước thải bệnh viện; Nguồn nước cấp bảo đảm phát triển nông nghiệp, công nghiệp và phát triển các ngành kinh tế khác trong khu vực.

d) Phòng chống và khắc phục hậu quả do nước gây ra

Quy hoạch và quản lý khai thác cát sông Krông Nô hiệu quả, bền vững. Xây dựng quy trình xả lũ của các nhà máy thủy điện hợp lý để giảm thiểu tác động đến sạt lở hai bên bờ sông. Điều chỉnh mục tiêu và quy trình hồ chứa thủy điện để hài hòa cả ba mục tiêu đó là phát điện, phòng chống lũ và phòng chống hạn. Xây dựng

hệ thống thông tin để tích hợp các cơ sở dữ liệu thống nhất, nâng cao chất lượng trong công tác cảnh báo, dự báo. Xây dựng kế hoạch và triển khai xây dựng, sửa chữa nâng cấp các tuyến kè sông suối. Cắm mốc hành lang thoát lũ cho các tuyến sông suối chính.

**4. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu**

a) Phương án phòng chống thiên tai

Phân vùng rủi ro đối với từng loại thiên tai trên địa bàn tỉnh, xác định các khu vực ưu tiên phòng, chống đối với từng loại thiên tai. Mục tiêu là đưa ra các biện pháp nhằm giảm thiểu thiệt hại về người, sinh kế, nhà ở, kinh tế xã hội và cơ sở hạ tầng do thiên tai gây ra, bao gồm hai nhóm biện pháp cơ bản: Nhóm biện pháp phi công trình và nhóm biện pháp công trình, nhằm đạt được mục tiêu chung là kiểm soát được thiên tai và giảm thiểu các thiệt hại về con người, tài sản do thiên tai gây ra.

b) Phương án ứng phó với biến đổi khí hậu

Nâng cao năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu của hệ thống kết cấu hạ tầng. Thiết lập hệ thống giám sát và đánh giá các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu. Triển khai các phương án giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng, phát triển và sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến thiên tai, tài nguyên, môi trường, hệ sinh thái, hoạt động kinh tế - xã hội và các vấn đề liên ngành, liên vùng, liên lĩnh vực, nhằm xác định tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu gây ra.

Xây dựng được các giải pháp trọng tâm và ưu tiên nhằm ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu đối với từng ngành, lĩnh vực và khu vực. Lồng ghép các yếu tố biến đổi khí hậu vào các quy hoạch của tỉnh. Ứng dụng cách tiếp cận thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào hệ sinh thái. Củng cố và nâng cao năng lực cho các sở, ban, ngành cấp tỉnh về mặt thể chế, tổ chức, chính sách, giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu. Tuyên truyền, giáo dục và nâng cao nhận thức cho toàn dân về tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu, đồng thời nâng cao ý thức và trách nhiệm của toàn dân vào các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu. Huy động các nguồn lực tài chính trong đó bao gồm cả nguồn tài trợ quốc tế và ngân sách nhà nước trong ứng phó với biến đổi khí hậu.

## XI. DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN THỰC HIỆN

Trên cơ sở định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm, xác định các dự án lớn, có tính chất quan trọng, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội để đầu tư và thu hút đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu, khả năng cân đối và huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

(Chi tiết tại Phụ lục XVIII kèm theo)

## XII. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

### 1. Giải pháp về huy động và sử dụng vốn đầu tư

Tiếp tục tranh thủ sự hỗ trợ của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, các nhà tài trợ để thu hút các nguồn vốn từ ngân sách Trung ương, nguồn vốn ODA và các nguồn vốn hỗ trợ khác để đầu tư các dự án hạ tầng trọng điểm. Tổ chức thực hiện tốt các khâu từ xây dựng quy hoạch chi tiết, xây dựng kế hoạch hiệu quả, khả thi, sát thực tiễn, để các công trình, dự án trọng điểm sớm phát huy hiệu quả. Đề xuất với các bộ, ngành Trung ương, đảm bảo các công trình, dự án trọng điểm của tỉnh được thể hiện đầy đủ trong các quy hoạch, kế hoạch đầu tư của quốc gia nhằm đảm bảo vốn cho đầu tư phát triển.

Huy động tổng lực các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, xem đây là giải pháp đột phá để hiện thực hóa Quy hoạch tỉnh. Ban hành danh mục dự án ưu tiên, chính sách ưu đãi đầu tư, đẩy mạnh huy động vốn từ các tập đoàn kinh tế lớn, vốn đầu tư nước ngoài; thực hiện cơ chế công tư kết hợp (PPP). Huy động nguồn vốn đầu tư từ khu vực dân cư; khai thác hiệu quả quỹ đất; Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động sự nghiệp y tế, giáo dục và đào tạo, văn hóa, thể thao, khoa học và công nghệ.

### 2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

Tập trung phát triển nguồn nhân lực để phục vụ phát triển các ngành trọng điểm của tỉnh. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, chuẩn hóa về trình độ, kỹ năng, thái độ phục vụ, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ, công chức, viên chức; đội ngũ công nhân lành nghề có tác phong công nghiệp phục vụ yêu cầu của các doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế lớn trong và ngoài nước đầu tư tại tỉnh, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của tỉnh.

Tăng cường liên kết đào tạo, hợp tác đào tạo với các trường đại học, cao đẳng trong và ngoài nước; liên kết với các doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo,

đảm bảo chất lượng đào tạo theo yêu cầu của thị trường. Thực hiện lộ trình tự chủ đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập; đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục nghề nghiệp, thu hút đầu tư vào lĩnh vực đào tạo nghề. Ưu tiên các nguồn lực đào tạo cho lao động đồng bào dân tộc thiểu số.

**3. Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ**

Tăng cường năng lực quản lý nhà nước về môi trường, đầu tư các công trình bảo vệ và xử lý ô nhiễm môi trường. Đẩy mạnh truyền thông và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường. Tổ chức bảo vệ môi trường tại các vùng theo phương án phân vùng bảo vệ môi trường. Khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm, bền vững tài nguyên khoáng sản, chống thoái hóa, sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên đất, bảo vệ và sử dụng bền vững tài nguyên nước, bảo vệ diện tích rừng; quản lý chặt chẽ các loại chất thải, đặc biệt là chất thải rắn và nước thải.

Đẩy mạnh triển khai các định hướng nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia, cấp tỉnh và nâng cao năng lực ứng dụng khoa học công nghệ. Phát triển hệ thống mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ; nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất, kinh doanh sản phẩm chủ lực của tỉnh hướng tới mục tiêu xuất khẩu và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Đẩy mạnh phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Phát triển hạ tầng số, cơ sở dữ liệu số, tạo nền tảng phát triển chính quyền số, kinh tế số, hướng đến xã hội số; tập trung xây dựng chính quyền điện tử, thành phố thông minh; đẩy nhanh việc thanh toán không dùng tiền mặt, quan trắc môi trường tự động, hồ sơ quản lý sức khỏe điện tử.

**4. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển**

Phối hợp với các tỉnh trong khu vực Tây Nguyên để xây dựng các cơ chế, chính sách ưu đãi trong thu hút đầu tư, trong hợp tác phát triển du lịch, trong xây dựng vùng nguyên liệu nông sản… để phát huy lợi thế so sánh của mỗi địa phương trong vùng, tránh tình trạng cạnh tranh giữa các tỉnh trong vùng Tây Nguyên. Xây dựng cơ chế phối hợp với các tỉnh trong Vùng Đông Nam Bộ để liên kết sản xuất theo hướng Đắk Nông phát triển công nghiệp vệ tinh khi tuyến cao tốc kết nối Đắk Nông - Bình Phước được vận hành. Xây dựng cơ chế phối hợp với các địa phương khu vực Duyên hải Miền Trung để xây dựng chuỗi sản phẩm du lịch tham quan, nghỉ dưỡng biển - núi; thúc đẩy liên kết giao thương trên trục hành lang Đông Tây, thông qua hai cửa khẩu Bu Prăng và Đắk Peur với Vương quốc Campuchia.

**5. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn**

Đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin đất đai, số hóa hồ sơ địa chính theo mô hình hiện đại theo hướng tích hợp để thuận lợi trong quản lý đất đai. Công khai, minh bạch công tác giao đất, cho thuê đất để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội. Đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống đô thị thông minh. Xây dựng và hoàn thiện các quy hoạch chi tiết và thiết kế đô thị ở các khu vực trung tâm, khu đô thị mới; hạn chế quá trình phát triển đô thị theo vết dầu loang, đặc biệt là các trục giao thông mới. Ưu tiên phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn, tăng cường xã hội hóa đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng. Tổ chức thực hiện tốt việc định hướng phân khu chức năng ở các khu vực đô thị và nông thôn để người dân và doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận thông tin và giám sát việc thực hiện. Quản lý tốt các hồ, đập phục vụ công tác điều tiết nước và bảo đảm môi trường sinh thái.

**6. Tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch**

Tổ chức công bố công khai quy hoạch theo quy định. Tổ chức xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch; bố trí nguồn lực thực hiện quy hoạch tỉnh. Lồng ghép các nội dung vào các kế hoạch 5 năm, hằng năm, các chương trình phát triển trọng điểm, các dự án cụ thể để triển khai thực hiện quy hoạch.

Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới quy hoạch chung, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và các quy hoạch khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch, đảm bảo đồng bộ và công khai, minh bạch. Định kỳ thực hiện rà soát, đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch, bổ sung và điều chỉnh lại mục tiêu cho phù hợp với tình hình thực tế.

**XIII. SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH**

Danh mục sơ đồ, bản đồ Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

(Chi tiết tại Phụ lục XIX kèm theo).

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định này là cơ sở, căn cứ để lập quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông:

a) Tổ chức công bố, công khai Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

b) Chịu trách nhiệm toàn diện quản lý Quy hoạch tỉnh; hướng dẫn, phân công, phân cấp, điều phối, kiểm soát và bảo đảm thực hiện đầy đủ các nguyên tắc, quy trình, thủ tục, quy định trong quá trình thực hiện Quy hoạch; nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin và hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong quản lý và thực hiện Quy hoạch.

c) Rà soát, hoàn thiện hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu, hồ sơ quy hoạch tỉnh đảm bảo thống nhất với nội dung của Quyết định này; chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, tài liệu, hệ thống bản đồ, sơ đồ và cơ sở dữ liệu trong hồ sơ Quy hoạch tỉnh Đắk Nông.

d) Xây dựng, trình ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; tổ chức thực hiện Quy hoạch tỉnh gắn với chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh; định kỳ tổ chức đánh giá thực hiện Quy hoạch tỉnh, rà soát điều chỉnh Quy hoạch tỉnh theo quy định pháp luật.

đ) Nghiên cứu xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, giải pháp thu hút đầu tư, đảm bảo nguồn lực tài chính, an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh, phát triển nguồn nhân lực, khoa học, công nghệ, bảo vệ môi trường để triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và định hướng đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh.

e) Tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy hoạch; xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định của pháp luật.

g) Tổ chức rà soát Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 sau khi các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt và thực hiện quy trình, thủ tục điều chỉnh Quy hoạch tỉnh trong trường hợp có nội dung mâu thuẫn so với quy hoạch cấp cao

hơn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội và quy định có liên quan, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

3. Việc chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn, bao gồm cả các dự án chưa được xác định trong các phương án phát triển ngành, lĩnh vực, phương án phát triển các khu chức năng, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và danh mục dự án dự kiến ưu tiên thực hiện ban hành kèm theo Quyết định này phải phù hợp với các nội dung quy định tại Điều 1 Quyết định này và phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch thực hiện quy hoạch khác có liên quan (nếu có), bảo đảm thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan; đồng thời, người quyết định chủ trương đầu tư phải chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về quyết định của mình.

Trong quá trình nghiên cứu, triển khai các dự án cụ thể, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về việc xác định vị trí, diện tích, quy mô, công suất dự án, phân kỳ đầu tư dự án, bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn phát triển của tỉnh trong từng giai đoạn và theo đúng các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các cam kết nêu tại văn bản số 8012/UBND-TH ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông. Các dự án, công trình đang được rà soát, xử lý theo các Kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán và thi hành các bản án (nếu có) chỉ được triển khai thực hiện sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo Kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án (nếu có) và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm phù hợp các quy định hiện hành.

Đối với các dự án quy hoạch đầu tư sau năm 2030, trường hợp có nhu cầu đầu tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và huy động, bố trí được đầy đủ các nguồn lực thực hiện, cơ quan được giao chủ trì thực hiện dự án báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chấp thuận cho đầu tư sớm hơn.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và các cơ quan thanh tra, kiểm tra về tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu, tài liệu, hệ thống bản đồ, cơ sở dữ liệu trong hồ sơ Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; các ý kiến tiếp thu,

giải trình, bảo lưu đối với ý kiến rà soát, góp ý của các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan; phụ lục các phương án phát triển ngành, lĩnh vực, phương án phát triển các khu chức năng, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và danh mục dự án dự kiến ưu tiên thực hiện trong thời kỳ quy hoạch được ban hành kèm theo Quyết định này, bảo đảm phù hợp, đồng bộ, thống nhất với các quy hoạch có liên quan.

5. Các bộ, ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông trong quá trình thực hiện Quy hoạch; phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông trong việc nghiên cứu, xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế chính sách, giải pháp, huy động và bố trí nguồn lực thực hiện hiệu quả Quy hoạch tỉnh.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. THỦ TƯỚNG**
**PHÓ THỦ TƯỚNG**

**Trần Hồng Hà**

**Phụ lục I**

**PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ**

*(Kèm theo Quyết định số 1757/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

| STT | Đô thị | Phân loại đô thị* | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Hiện trạng năm 2020 | Định hướng đến năm 2025 | Định hướng đến năm 2030 | |
| 1 | Thành phố Gia Nghĩa | III | III | II | |
| 2 | Đô thị Đắk Mil (H.Đắk Mil dự kiến thành lập Thị xã) | | IV (Thị xã) | III | |
| | Thị trấn Đắk Mil | IV | | | |
| | Đô thị Đắk R'La (H. Đắk Mil) | | V | V | Đô thị Đắk R'la là khu trung tâm xã, thuộc (huyện) thị xã Đắk Mil |
| 3 | Đô thị Cư Jút (H. Cư Jút dự kiến thành lập Thị xã) | | | IV (thị xã) | Đô thị Nam Dong trở thành Phường thuộc nội thành khi huyện Cư Jút nâng cấp thành thị xã |
| | Thị trấn Ea T'Ling | IV | IV | | |
| | Đô thị Nam Dong | V | V | | |
| 4 | Đô thị Đắk R'Lấp (H. Đắk R'Lấp dự kiến thành lập thị xã) | | | IV (thị xã) | |
| | Thị trấn Kiến Đức | IV | IV | | |
| | Đạo Nghĩa | | V | | Đô thị Đạo nghĩa và Đắk Ru là các khu trung tâm xã, thuộc huyện (thị xã) Đắk R'Lấp |
| | Đắk Ru | | V | | |
| 5 | Thị trấn Đức An | V | IV | IV | |
| 6 | Thị trấn Đắk Mâm | V | V | IV | |

| STT | Đô thị | Phân loại đô thị* | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Hiện trạng năm 2020 | Định hướng đến năm 2025 | Định hướng đến năm 2030 | |
| 7 | Thị trấn Quảng Khê | V | V | IV | |
| 8 | Thị trấn Đắk Buk So | V | V | IV | |
| 9 | Đô thị Quảng Sơn | | V | V | |
| 10 | Đô thị Nâm N'Jang | | V | V | |

**Ghi chú:**

- Định hướng phân loại đô thị đảm bảo phù hợp với Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia.

- Trong quá trình xây dựng phát triển đô thị, các đô thị đạt tiêu chí phân loại đô thị sớm hơn hoặc muộn hơn định hướng thì thực hiện thủ tục đánh giá, công nhận loại đô thị tại thời điểm đánh giá đạt các tiêu chí phân loại đô thị theo quy định của pháp luật.

**Phụ lục II**

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG KHU CÔNG NGHIỆP**

*(Kèm theo Quyết định số 1757/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

| STT | Tên khu công nghiệp (KCN) | Địa điểm dự kiến | Diện tích dự kiến (ha) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| **A** | **Các khu công nghiệp thực hiện theo chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ** | | | |
| | **Các khu công nghiệp đã thành lập** | | | |
| 1 | KCN Tâm Thắng | Cư Jút | 179 | |
| 2 | KCN Nhân Cơ | Đắk R'Lấp | 148 | |
| 3 | KCN Nhân Cơ 2 | Đắk R'Lấp | 400 | |
| | **Tổng cộng A** | | 727 | |
| **B** | **Các khu công nghiệp tiềm năng thành lập mới trong trường hợp tỉnh được bổ sung, điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp** | | | |
| 1 | KCN Đắk Ru | Đắk R'Lấp | 1.000 | |
| 2 | KCN Quảng Sơn | Đắk Glong | 1.000 | |
| 3 | KCN Đắk Song I | Đắk Song | 1.000 | |
| 4 | KCN Đắk Song II | Đắk Song | 2.000 | |
| | **Tổng cộng B** | | 5.000 | |
| | **Tổng cộng A+B** | | 5.727 | |

Ghi chú:

- Tên, quy mô diện tích và phạm vi ranh giới các khu công nghiệp sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch xây dựng, lập dự án đầu tư và được cấp có thẩm quyền quyết định, bảo đảm đúng chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền.

- Các khu công nghiệp tiềm năng có nhu cầu đầu tư sớm hơn để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương thì cơ quan được giao chủ trì thực hiện dự án báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

**Phụ lục III**

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CỤM CÔNG NGHIỆP**

*(Kèm theo Quyết định số 1757/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

| STT | Tên cụm công nghiệp | Địa điểm dự kiến | Diện tích dự kiến | Ngành nghề hoạt động dự kiến |
|---|---|---|---|---|
| **I** | **Các cụm công nghiệp (CCN) đã đi vào hoạt động** | | | Các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có lợi thế: công nghiệp chế biến nông sản, sản xuất thức ăn gia súc; chế biến gỗ; sản xuất vật liệu xây dựng; sản xuất phân bón; dệt may (không có nhuộm); sản xuất sản phẩm nhựa và đồ gia dụng; cơ khí, lắp ráp ô tô; sản xuất cồn công nghiệp; và các ngành nghề tỉnh có lợi thế khác |
| 1 | CCN Thuận An | Đắk Mil | 75 | |
| **II** | **Các cụm công nghiệp đang triển khai thực hiện thủ tục đầu tư và xây dựng hạ tầng kỹ thuật** | | | |
| 1 | CCN BMC | Đắk Glong | 75 | |
| 2 | CCN Quảng Tâm | Tuy Đức | 75 | |
| 3 | CCN Krông Nô | Krông Nô | 75 | |
| | Tổng cộng | | 225 | |
| **III** | **Các cụm công nghiệp thành lập mới** | | | |
| 1 | CCN Trúc Sơn | Cư Jút | 75 | |
| 2 | CCN Đắk R’Lấp | Đắk R’Lấp | 75 | |
| 3 | CCN Đắk Song | Đắk Song | 75 | |
| 4 | CCN Đắk R’La | Đắk Mil | 75 | |
| 5 | CCN Gia Nghĩa | Gia Nghĩa | 75 | |
| 6 | CCN Quảng Khê | Đắk Glong | 75 | |
| 7 | CCN Nam Dong | Cư Jút | 75 | |
| | Tổng cộng | | 525 | |
| **Tổng cộng (I+II+III)** | | | **825** | |

Ghi chú:

Việc đầu tư các dự án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn phải phù hợp với nhu cầu thực tế và căn cứ theo chỉ tiêu sử dụng đất trong thời kỳ 2021 - 2030 và sau năm 2030 được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tên, quy mô và phạm vi ranh giới các cụm công nghiệp sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và triển khai dự án đầu tư.

**Phụ lục IV**

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

*(Kèm theo Quyết định số 1757/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

| STT | Tên tuyến | Điểm đầu | Điểm cuối | Quy mô dự kiến (cấp đường/ số làn xe) |
|---|---|---|---|---|
| **I** | **ĐƯỜNG TỈNH** | | | |
| 1 | Đường Đắk Lao - Ea pô - Cầu Sêrêpôk3 (Trục ngang 1) | Đắk Mil | Cư Jút | IV, 2 làn xe |
| 2 | Đường Đắk Peur - Đắk Mâm - Buôn Chóah (Trục ngang 2) | Đắk Mil | Krông Nô | |
| - | Đường ra cửa khẩu Đắk Peur | | | IV, 2 làn xe |
| - | Đường kết nối từ đường ra cửa khẩu Đắk Peur đến đường Tỉnh lộ 3 | | | IV, 2 làn xe |
| - | Tỉnh lộ 3 (ĐT683) đoạn TT. Đắk Mil - Đắk Mâm | | | IV, 2 làn xe |
| - | Đường Đắk Drô - Buôn Chóah | | | IV, 2 làn xe |
| - | Đường Buôn Chóah - K'rông Ana | | | IV, 2 làn xe |
| 3 | Đường Đắk Song - Quảng Phú (Trục ngang 3) | Đắk Song | Krông Nô | IV, 2 làn xe |
| 4 | Đường Đắk Búk So - Quảng Sơn - Đắk R'Măng - Quảng Khê (Trục ngang 4) | Tuy Đức | Đắk Glong | IV-III, 2 làn xe |
| - | Tỉnh lộ 6 (ĐT686) đoạn Đắk Búk So - Quảng Sơn | | | IV-III, 2 làn xe |
| - | Đường Quảng Sơn - Đắk R'Măng | | | IV-III, 2 làn xe |
| - | Đường Quảng Khê - Đắk R'Măng | | | IV-III, 2 làn xe |

| STT | Tên tuyến | Điểm đầu | Điểm cuối | Quy mô dự kiến (cấp đường/ số làn xe) |
|---|---|---|---|---|
| 5 | Đường Đắk Sin - Đắk Búk So - Quảng Trực (Trục ngang 5). | Đắk R'Lấp | Tuy Đức | IV-III, 2 làn xe |
| - | Đường Đắk Sin - Nghĩa Thắng | | | IV-III, 2 làn xe |
| - | Tỉnh lộ 5 (ĐT685) đoạn Nghĩa Thắng - Kiến Đức | | | IV-III, 2 làn xe |
| - | Tỉnh lộ 1 (ĐT681) đoạn Kiến Đức - Đắk Búk So | | | IV-III, 2 làn xe |
| - | Quốc lộ 14C đoạn Đắk Búk So - Quảng Trực | | | IV-III, 2 làn xe |
| 6 | Đường Bu P'răng - Quảng Trực - Quảng Tín (Trục ngang 6) | Tuy Đức | Đắk R'Lấp | IV, 2 làn xe |
| 7 | Đường Cai Chanh - Đắk Nia (Trục ngang 7) | Đắk R'Lấp | Gia Nghĩa | IV-III, 2 làn xe |
| - | Tỉnh lộ 5 (ĐT685) đoạn từ Cai Chanh - Nghĩa Thắng | | | IV-III, 2 làn xe |
| - | Đường từ Nghĩa Thắng - Đắk Nia | | | IV-III, 2 làn xe |
| 8 | Đường Đắk Som - Đắk R'Măng - Quảng Hòa - Quảng Phú (Trục ngang 8) | Đắk Glong | Krông Nô | IV, 2 làn xe |
| - | Đường Đắk Som - Đắk R'Măng | | | IV, 2 làn xe |
| - | Đường Đắk R'Măng - Quảng Hòa | | | IV, 2 làn xe |
| - | Tỉnh lộ 4B (ĐT684B) | | | IV, 2 làn xe |
| 9 | Tỉnh lộ 2 (ĐT682) | Đắk Song | Đắk Mil | III, 2 làn xe |
| **II** | **ĐƯỜNG VÀNH ĐAI, KẾT NỐI ĐÔ THỊ** | | | |
| 1 | Đường vành đai thị trấn Đắk Mil (tuyến tránh Quốc lộ 14C) | Đắk Mil | Đắk Mil | IV-III, 2 làn xe |

| STT | Tên tuyến | Điểm đầu | Điểm cuối | Quy mô dự kiến (cấp đường/ số làn xe) |
|---|---|---|---|---|
| 2 | Đường vành đai đô thị Gia Nghĩa (tuyến tránh Đường Hồ Chí Minh, Quốc lộ 28) | Gia Nghĩa | Đắk Song | |
| 3 | Đường vành đai thị trấn Kiến Đức (tuyến tránh Đường Hồ Chí Minh) | Đắk R'Lấp | Đắk R'Lấp | |
| 4 | Đường kết nối thành phố Gia Nghĩa (Đắk Nông) - huyện Bảo Lâm (Lâm Đồng) | Gia Nghĩa | Bảo Lâm, Lâm Đồng | III, 2 làn xe |

Ghi chú:

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên số được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

- Quy mô theo quy hoạch là quy mô được tính toán theo nhu cầu dự báo. Trong quá trình triển khai, tùy theo nhu cầu vận tải và khả năng nguồn lực đầu tư, cấp quyết định chủ trương đầu tư quyết định việc phân kỳ đầu tư bảo đảm hiệu quả dự án.

- Các đoạn đường qua đô thị quy mô thực hiện theo quy hoạch đô thị. Số làn xe đến năm 2030 có thể được mở rộng theo quy mô quy hoạch sau năm 2030 khi có nhu cầu thực tế.

**Phụ lục V**

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN NGUỒN ĐIỆN**

*(Kèm theo Quyết định số 1757/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

**I. PHÁT TRIỂN CÁC NGUỒN ĐIỆN TRONG DANH MỤC PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC QUỐC GIA:** Thực hiện theo Quy hoạch điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

**II. CÁC NGUỒN ĐIỆN TIỀM NĂNG**

| STT | Hạng mục | Ghi chú |
|---|---|---|
| 1 | Điện gió | Thực hiện theo Quy hoạch điện VIII, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII |
| 2 | Điện mặt trời | |
| 3 | Thủy điện | |
| 4 | Các nguồn điện tiềm năng | |

**Phụ lục VI**

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN LƯỚI ĐIỆN**

*(Kèm theo Quyết định số 1757/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

## A. LƯỚI ĐIỆN 500KV (THEO QUY HOẠCH ĐIỆN VIII)

| STT | Tên dự án | Đơn vị | Quy mô | |
|---|---|---|---|---|
| | | | Hiện trạng | Dự kiến đến năm 2030 |
| **A.1** | **Trạm biến áp 500kV** | | | |
| 1 | Cải tạo trạm biến áp 500kV Đắk Nông | MVA | 900 | 1.800 |
| **A.2** | **Đường dây** | | | |
| 1 | Xây dựng mới tuyến đường dây 500kV Krông Búk - Tây Ninh 1, có đoạn đi ngang tỉnh Đắk Nông | mạch | | 2 |
| 2 | Xây dựng mới tuyến đường dây 500kV Ninh Sơn - Chơn Thành, có đoạn đi ngang tỉnh Đắk Nông | mạch | | 2 |

## B. LƯỚI ĐIỆN 220KV (THEO QUY HOẠCH ĐIỆN VIII)

| STT | Tên dự án | Đơn vị | Quy mô | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | Hiện trạng | Dự kiến đến năm 2030 | |
| **B.1** | **Trạm biến áp** | | | | |
| 1 | Cải tạo trạm biến áp Đắk Nông | MVA | 250 | 500 | |
| 2 | Xây dựng mới trạm Đắk Nông 2 | MVA | | 250 | |
| 3 | Xây dựng mới trạm Điện phân nhôm | MVA | | 1.184 | Đồng bộ tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng |
| **B.2** | **Đường dây** | | | | |
| 1 | Treo dây Điện Phân Nhôm - Rẽ Bình Long - 500 kV Đắk Nông | mạch | | 4 | |

| STT | Tên dự án | Đơn vị | Quy mô | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | Hiện trạng | Dự kiến đến năm 2030 | |
| 2 | Treo dây Điện Phân Nhôm - Rẽ Buôn Kuốp - 500 kV Đắk Nông | mạch | | 2 | |
| 3 | Nâng KNT Buôn Kuốp - Buôn Tua Srah - Đắk Nông 500kV | mạch | | 1 | |
| 4 | Xây dựng mới đấu nối trạm Đắk Nông 2 - Rẽ Buôn Kuốp - Buôn Tua Srah | mạch | | 2 | |
| 5 | Xây dựng mới đấu nối Điện gió Đắk Hòa - Rẽ Buôn Kuốp - Đắk Nông 500kV | mạch | | 2 | |
| 6 | Xây dựng mới đường dây ĐG Đắk N'Drung 1,2,3 - Đắk Nông | mạch | | 2 | |

**C. LƯỚI ĐIỆN 110KV**

**C.1. Trạm biến áp 110kV**

| STT | Tên trạm biến áp | Công suất (MVA) | |
|---|---|---|---|
| | | Hiện trạng | Dự kiến đến năm 2030 |
| 1 | Cải tạo trạm biến áp Đắk R'Lấp | 25 | 65 |
| 2 | Cải tạo trạm biến áp Đắk R'Lấp 2 | 25 | 50 |
| 3 | Cải tạo trạm biến áp Đắk Mil | 50 | 88 |
| 4 | Cải tạo trạm biến áp Krông Nô | 25 | 50 |
| 5 | Cải tạo trạm biến áp Cư Jút | 103 | 126 |
| 6 | Cải tạo trạm biến áp Nhân Cơ | 40 | 80 |
| 7 | Xây dựng mới trạm biến áp Gia Nghĩa | | 40 |
| 8 | Xây dựng mới trạm biến áp Tuy Đức | | 25 |
| 9 | Xây dựng mới trạm biến áp Quảng Sơn | | 80 |
| 10 | Xây dựng mới trạm biến áp Quảng Khê | | 25 |
| 11 | Xây dựng mới trạm biến áp Đắk Mil 2 | | 25 |
| 12 | Xây dựng mới trạm biến áp Cư Jút 2 | | 40 |

| STT | Tên trạm biến áp | Công suất (MVA) | |
|---|---|---|---|
| | | Hiện trạng | Dự kiến đến năm 2030 |
| 13 | Xây dựng mới trạm biến áp Nhân cơ 2 | | 63 |
| 14 | Xây dựng mới trạm biến áp Alumin 1 | | 80 |
| 15 | Xây dựng mới trạm biến áp Alumin 2 | | 80 |
| 16 | Xây dựng mới trạm cắt 110kV Đắk Song | | Quy mô 10 ngăn lộ nhưng lắp 6 ngăn |
| 17 | MBA nối cấp 110kV trong trạm 220kV Đắk Nông 2 | | 63 |

**C.2. Đường dây 110kV**

| STT | Tên đường dây | Quy mô (số mạch) | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| | | Hiện trạng | Dự kiến đến năm 2030 | |
| 1 | Cải tạo đường dây Cư Jút - NM ĐMT Cư Jút | 1 | 1 | phân pha |
| 2 | Cải tạo đường dây NM ĐMT Cư Jút - Đắk Mil | 1 | 1 | phân pha |
| 3 | Cải tạo đường dây Đắk Mil - Đắk Song | 1 | 1 | phân pha |
| 4 | Cải tạo đường dây Đắk Nông 220 - Đắk Song | 1 | 1 | phân pha |
| 5 | Cải tạo đường dây Đắk Nông 220 - Alumin Nhân cơ | 1 | 2 | |
| 6 | Di dời đường dây 110kV ra khỏi quy hoạch khu du lịch sinh thái hồ Đắk R'Tih | | 1 | |
| 7 | Xây dựng mới đường dây Krông Nô - Đắk Mil | | 1 | |
| 8 | Xây dựng mới đường dây đấu nối Tuy Đức | | 2 | |
| 9 | Xây dựng mới đường dây đấu nối Gia Nghĩa | | 2 | |
| 10 | Xây dựng mới đường dây Quảng Sơn - Krông Nô | | 1 | |
| 11 | Xây dựng mới đường dây Gia Nghĩa - Quảng Sơn | | 1 | |
| 12 | Xây dựng mới đường dây Gia Nghĩa - Quảng Khê | | 2 | |
| 13 | Xây dựng mới đường dây đấu nối Đắk Mil 2 | | 2 | |

| STT | Tên đường dây | Quy mô (số mạch) | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| | | Hiện trạng | Dự kiến đến năm 2030 | |
| 14 | Xây dựng mới đường dây đấu nối Cư Jút 2 | | 2 | |
| 15 | Xây dựng mới đường dây đấu nối Nhân Cơ 2 | | 2 | |
| 16 | Xây dựng mới đường dây đấu nối trạm cắt Đắk Song | | 2 | |
| 17 | Xây dựng mới đường dây đấu nối Alumin 1 | | 2 | |
| 18 | Xây dựng mới đường dây đấu nối Alumin 2 | | 2 | |
| 19 | Xây dựng mới lộ ra 110kV trạm Đắk Nông 2 (220kV) và đấu chuyển tiếp tuyến Krông Nô - Đắk Mil | | 2 | |
| 20 | Xây dựng mới lộ ra 110kV trạm Đắk Nông 2 (220kV) và đấu chuyển tiếp tuyến Krông Nô - Buôn Kuốp | | 2 | |
| 21 | Xây dựng mới lộ ra 110kV trạm Đắk Nông 2 (220kV) và đấu chuyển tiếp tuyến Cư Jút - Đắk Mil 2 | | 2 | |

Ghi chú:

Việc đầu tư xây dựng các trạm biến áp và các tuyến đường dây phải căn cứ Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII), Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII, các quyết định, quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt và nhu cầu thực tế phát triển của địa phương.

**Phụ lục VII**

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI THỦY LỢI**

*(Kèm theo Quyết định số 1757/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

**1. Hạ tầng thủy lợi**

| STT | Tên công trình | Huyện |
|---|---|---|
| **I** | **Hồ nâng cấp (50 hồ)** | |
| 1 | Hồ Đắk Diêr | Cư Jút |
| 2 | Hồ Thủy điện; Hồ Thôn 3A + 3B; Hồ Dạ Hang Lang<br>Hồ Số 3; Hồ Đắk Bông; Hồ Số 1; Hồ Thôn 3B; Hồ Thôn 5 (Thủy lợi Thôn 5); Thủy lợi Đắk N'der 2; Hồ Đắk Snao 2; Hồ Thôn 3B Bon Sa Nar; Hồ Thôn 2; Hồ Đắk Snao 3; Hồ Chum Ia; Hồ Đắk M'buốch; Hồ Số 2; Hồ Đắk R'tiêng; Hồ Đắk Hlang; Hồ Đắk Srê; Hồ Thôn 2 (Nao Kon Đơi) | Đắk Glong |
| 3 | Hồ E29; Công trình hồ Đắk Săk; Công trình Đô Ry II; Hồ Bắc Sơn 1; Hồ Ông Đăng; Hồ đội 1; Hồ Tây | Đắk Mil |
| 4 | Thủy lợi Da Dung; Hồ Bon Bu Ja Rá (sau Hồ Cầu Tư); Hồ Nhân Cơ; Thủy lợi Bàu Muỗi | Đắk Rlấp |
| 5 | Hồ Đắk Sơn 3; Hồ Đắk Mrung; Hồ Đắk Kuăl; Công trình thủy lợi Đắk Kuăl 5 (Hồ Đắk kuăl 5); Hồ Đắk Toa; Hồ Thôn 3; Hồ Đắk Mol; Hồ Xu Đăng (Dâng Dri); Hồ Thôn 2; Hồ Sình Muống | Đắk Song |
| 6 | Hồ Tổ 3; Hồ Fai Kol Poul Đăng; Hồ Nam Dạ | Gia Nghĩa |
| 7 | Hồ Đắk Tân; Hồ Đắk Rồ; Hồ Đắk Mâm; Hồ Đắk Ri | Krông Nô |
| 8 | Hồ Đắk Zên | Tuy Đức |
| **II** | **Đập nâng cấp (5 đập)** | |
| 1 | Đập Bon Bu PRăng 2; Đập Đắk Huýt 4; Đập D2; Đập Đắk Glun 1; Đập dâng bon Phung | Tuy Đức |
| **III** | **Hồ Xây mới (57 hồ)** | |
| 1 | Hồ Ea Sier; Hồ Đắk Drích; Hồ Ea Điêr 2; Hồ Thôn 15 | Cư Jút |
| 2 | Hồ Đắk N'Ting; Hồ Dhôu; Hồ Quảng Hòa; Hồ Đắk Ha Hạ | Đắk Glong |

| STT | Tên công trình | Huyện |
|---|---|---|
| 3 | Hồ Đắk Siat; Hồ Đắk N'Dreng; Hồ Đắk Klo Ou; Hồ Dốc Đất; Hồ Mạnh Tiến 2; Hồ Mỏ Đá; Hồ Lo Ren; Hồ Đắk R'la 3; Hồ Ông Bổng; Hồ Đắk Gon hạ; Hồ Suối 38; Hồ Đắk Gang; Hồ Nam Sơn 1; Hồ Đắk R'la 5; Hồ Hố Chay | Đắk Mil |
| 4 | Hồ Đắk Nham; Hồ Thôn 6-7; Hồ Thôn 6+17; Hồ Đắk Nêr 2; CT. Quảng Trung | Đắk R'Lấp |
| 5 | Hồ Đắk Pong (Đắk Mít); Hồ Bu Răng; Hồ Sình Tre; Hồ Đắk Tiên Tan; Hồ Đắk Klo; Hồ Sình Cỏ; Hồ Thôn 3 Rừng Lạnh; Hồ Thôn 6; Hồ Thôn 5; Hồ thôn 1; Hồ Đắk Toit | Đắk Song |
| 6 | Hồ Đắk Đrúk; Hồ Đắk Đrô 3; Hồ Đắk Đrô; Hồ Đắk R'Po; Hồ Đắk Na; Hồ Nam Xuân 1; Hồ Đắk Hoa; Hồ Nam Xuân; Hồ Đắk Ri 2 | Krông Nô |
| 7 | Hồ Thôn 12A (Phú Xuân); Hồ Suối Đá; Hồ Đắk Muông 1; Hồ Bon Đắk R'Moon; Công trình thủy lợi 12-B1 | Thành phố Gia Nghĩa |
| 8 | Hồ Thôn 7B; Hồ Đắk Glun; Hồ Đam Ru ( Đak Dang Re; Hồ Đắk R'tan | Tuy Đức |
| **IV** | **Đập xây mới (5 đập)** | |
| 1 | Đập Đắk N'Drot | Đắk Mil |
| 2 | Đập Thôn 9 (Đ.Ana); ĐậpThôn 7-T10 | Đắk R'Lấp |
| 3 | Đập Đắk Prí; Đập Dâng Buôn Choih | Krông Nô |
| **V** | **Trạm bơm xây mới (1 trạm bơm)** | |
| | Mở rộng hệ thống CTTL TB Suối Đá | Đắk Glong |

**2. Hệ thống kè chống sạt lở bờ sông**

| STT | Tên công trình | Địa điểm |
|---|---|---|
| 1 | Làm kè chống sạt lở từ suối Đắk Prí từ QL28 đến sông Krông Nô | Krông Nô |
| 2 | Nạo vét đoạn suối Nam Đà từ sau hồ Nam Đà đến giáp suối Đắk Sôr | Krông Nô |
| 3 | Kè bờ trên sông Krông Nô | Krông Nô |

Ghi chú:

- Việc đầu tư các công trình thủy lợi phải phù hợp với Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, phù hợp với Quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, các quy hoạch liên quan và nhu cầu thực tế phát triển của địa phương.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật; tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động nguồn lực đầu tư của từng giai đoạn.

- Các dự án, công trình phát triển thủy lợi khác ngoài danh mục trên căn cứ vào quy hoạch chuyên ngành, đề án của địa phương.

**Phụ lục VIII**
**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CẤP NƯỚC**
*(Kèm theo Quyết định số 1757/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

| STT | Tên nhà máy | Nguồn nước | Công suất dự kiến đến năm 2030 ($m^3$/ngày.đêm) | Địa điểm dự kiến |
|---|---|---|---|---|
| **1** | **Vùng Gia Nghĩa** | | | |
| a | Thành phố Gia Nghĩa: Cụm nhà máy nước Gia Nghĩa | Nước mặt, nước ngầm | 14.000 | Gia Nghĩa |
| b | Huyện Đắk R'Lấp: Nhà máy nước Kiến Đức | Nước mặt | 8.500 | Đắk R'Lấp |
| c | Huyện Đắk Glong: Cụm nhà máy nước Đắk Glong | Nước mặt | 3.500 | Đắk Glong |
| **2** | **Vùng Ea T'Ling - Đắk Mâm** | | | |
| a | Huyện Cư Jút: Cụm nhà máy nước Cư Jút | Nước mặt, nước ngầm | 8.500 | Cư Jút |
| b | Huyện Krông Nô: Nhà máy nước thị trấn Đắk Mâm | Nước mặt | 3.000 | Krông Nô |
| **3** | **Vùng biên giới** | | | |
| a | Huyện Đắk Mil: Nhà máy nước thị trấn Đắk Mil | Nước mặt | 8.500 | Đắk Mil |
| b | Huyện Đắk Song: Nhà máy nước thị trấn Đức An | Nước mặt | 4.000 | Đắk Song |
| c | Huyện Tuy Đức: Nhà máy nước Đắk Búk So | Nước mặt | 3.000 | Tuy Đức |

Ghi chú:

- Tên, địa điểm, công suất, diện tích, phạm vi cấp nước, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên số được xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật; phù hợp với định hướng quy hoạch, tính khả thi, thuận lợi trong công tác giải phóng mặt bằng, bảo đảm hiệu quả kinh tế - xã hội của từng dự án.

Quy mô, công suất các nhà máy nước, trạm cấp nước có thể điều chỉnh để đảm bảo nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Vị trí, quy mô, công suất của đường ống truyền tải chính, đường ống truyền tải khu vực (cấp 1) và trạm bơm tăng áp trên các tuyến ống truyền tải được xác định cụ thể trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo nhà máy nước, trạm cấp nước và phù hợp với nhu cầu cấp nước của địa phương.

**Phụ lục IX**

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI**

*(Kèm theo Quyết định số 1757/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

| STT | Khu xử lý chất thải | Địa điểm dự kiến | Diện tích dự kiến (ha) |
|---|---|---|---|
| **I** | **Khu xử lý chất thải nguy hại; khu xử lý chất thải y tế nguy hại** | | |
| | Khu xử lý xã Đắk Nia | Gia Nghĩa | 40 |
| **II** | **Khu xử lý chất thải rắn thông thường** | | |
| **-** | **Vùng Gia Nghĩa** | | |
| 1 | Khu xử lý xã Đắk Nia | Gia Nghĩa | 40 |
| 2 | Khu xử lý xã Đạo Nghĩa | Đắk R'Lấp | 15,4 |
| 3 | Khu xử lý xã Quảng Khê | Đắk Glong | 15 |
| 4 | Khu xử lý xã Đắk Ha | Đắk Glong | 5 |
| **-** | **Vùng Ea T'Ling - Đắk Mâm** | | |
| 5 | Khu xử lý xã Cư Knia | Cư Jút | 20 |
| 6 | Khu xử lý thị trấn Đắk Mâm | Krông Nô | 05 |
| **-** | **Vùng biên giới** | | |
| 7 | Khu xử lý xã Đắk Lao | Đắk Mil | 15 |
| 8 | Khu xử lý xã Nâm N'Jang | Đắk Song | 10 |
| 9 | Khu xử lý xã Quảng Tâm | Tuy Đức | 20 |

Ghi chú:

Tên, vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư, công nghệ áp dụng của các công trình, dự án sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt quy hoạch xây dựng, dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn của từng thời kỳ. Các dự án, công trình ngoài danh mục trên căn cứ vào quy hoạch chuyên ngành của địa phương.

**Phụ lục X**

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG Y TẾ**

*(Kèm theo Quyết định số 1757/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

| STT | Tên cơ sở y tế | Địa điểm dự kiến | Diện tích dự kiến (ha) |
|---|---|---|---|
| **I** | **Cơ sở y tế hiện có** | | |
| | 01 Bệnh viện đa khoa tỉnh, 03 Trung tâm tuyến tỉnh; 08 Trung tâm y tế huyện/thành phố; và 71 Trạm y tế xã/phường (nâng cấp, mở rộng) | | |
| **II** | **Cơ sở y tế xây dựng mới** | | |
| 1 | Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2 | Gia Nghĩa | 12 |
| 2 | Bệnh viện đa khoa chuyên sâu | Cư Jút | 5,53 |
| 3 | Bệnh viện đa khoa Xuyên Á Gia Nghĩa | Gia Nghĩa | 1,92 |
| 4 | Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm | Gia Nghĩa | 0,5 |
| 5 | Trung tâm sản xuất và ứng dụng dược liệu | Gia Nghĩa | 1 |
| 6 | Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh (CDC) | Gia Nghĩa | 1 |
| 7 | Bệnh viện Y học cổ truyền | Gia Nghĩa | 4,25 |
| 8 | Khu kiểm dịch biên giới cửa khẩu Bu Prăng | Tuy Đức | 0,5 |
| 9 | Khu kiểm dịch biên giới cửa khẩu Đắk Peur | Đắk Mil | 0,5 |
| 10 | Trung tâm huyết học và truyền máu | Gia Nghĩa | 2 |
| 11 | Trung tâm vận chuyển cấp cứu của tỉnh | Gia Nghĩa | 0,5 |

Ghi chú:

Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư, nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt quy hoạch, quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án theo quy định của pháp luật. Các dự án, công trình khác ngoài danh mục trên căn cứ vào quy hoạch chuyên ngành của địa phương.

**Phụ lục XI**

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO**

*(Kèm theo Quyết định số 1757/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

| STT | Tên cơ sở giáo dục | Địa điểm | Diện tích dự kiến (ha) |
|---|---|---|---|
| | **Cơ sở hiện có** | | |
| 1 | Trường Phổ thông dân tộc nội trú, trung học cơ sở và trung học phổ thông huyện Cư Jút | Cư Jút | |
| 2 | Trường Phổ thông dân tộc nội trú, trung học cơ sở và trung học phổ thông huyện Đắk Mil | Đắk Mil | |
| 3 | Trường Phổ thông dân tộc nội trú, trung học cơ sở và trung học phổ thông Tuy Đức | Tuy Đức | |
| 4 | Trường Phổ thông dân tộc nội trú, trung học cơ sở và trung học phổ thông Krông Nô | Krông Nô | |
| 5 | Trường Phổ thông dân tộc nội trú, trung học cơ sở và trung học phổ thông huyện Đắk R'Lấp | Đắk R'Lấp | |
| 6 | Trường Phổ thông dân tộc nội trú, trung học cơ sở và trung học phổ thông huyện Đắk Song | Đắk Song | |
| 7 | Trường Phổ thông dân tộc nội trú, trung học cơ sở và trung học phổ thông huyện Đắk Glong | Đắk Glong | |
| 8 | Trường Trung học phổ thông dân tộc nội trú N'Trang Lơng | Gia Nghĩa | |
| 9 | Trường Trung học phổ thông chuyên Nguyễn Chí Thanh | Gia Nghĩa | |
| 10 | Trường Trung học phổ thông Phan Chu Trinh | Cư Jút | |
| 11 | Trường Trung học phổ thông Krông Nô | Krông Nô | |
| 12 | Trường Trung học phổ thông Đắk Mil | Đắk Mil | |
| 13 | Trường Trung học phổ thông Trần Hưng Đạo | Đắk Mil | |
| 14 | Trường Trung học phổ thông Đắk Song | Đắk Song | |

| STT | Tên cơ sở giáo dục | Địa điểm | Diện tích dự kiến (ha) |
|---|---|---|---|
| 15 | Trường Trung học phổ thông Chu Văn An | Gia Nghĩa | |
| 16 | Trường Trung học phổ thông Phạm Văn Đồng | Đắk R'Lấp | |
| 17 | Trường Trung học phổ thông Nguyễn Tất Thành | Đắk R'Lấp | |
| 18 | Trường Trung học phổ thông Phan Bội Châu | Cư Jút | |
| 19 | Trường Trung học phổ thông Nguyễn Bỉnh Khiêm | Cư Jút | |
| 20 | Trường Trung học phổ thông Hùng Vương | Krông Nô | |
| 21 | Trường Trung học phổ thông Trần Phú | Krông Nô | |
| 22 | Trường Trung học phổ thông Quang Trung | Đắk Mil | |
| 23 | Trường Trung học phổ thông Trường Chinh | Đắk R'Lấp | |
| 24 | Trường Trung học phổ thông Đắk Glong | Đắk Glong | |
| 25 | Trường Trung học phổ thông Gia Nghĩa | Gia Nghĩa | |
| 26 | Trường Trung học phổ thông Lê Quý Đôn | Tuy Đức | |
| 27 | Trường Trung học phổ thông Phan Đình Phùng | Đắk Song | |
| 28 | Trường Trung học phổ thông Nguyễn Du | Đắk Mil | |
| 29 | Trường Trung học phổ thông Lê Duẩn | Đắk Glong | |
| 30 | Trường Trung học phổ thông Nguyễn Đình Chiểu | Đắk R'Lấp | |
| 31 | Trường Trung học phổ thông Lương Thế Vinh | Đắk Song | |
| 32 | Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Lê Hữu Trác | Tuy Đức | |
| 33 | Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Tư thục Trương Vĩnh Ký | Đắk Mil | |
| | **Cơ sở giáo dục xây dựng mới** | | |
| 1 | Trường Trung học phổ thông huyện Tuy Đức | Tuy Đức | |
| 2 | Trường Trung học phổ thông huyện Đắk Glong | Đắk Glong | |
| 3 | Trường Trung học phổ thông huyện Krông Nô | Krông Nô | |
| 4 | Trường Trung học phổ thông huyện Đắk Song | Đắk Song | |
| 5 | Trường liên cấp Trung học phổ thông thành phố Gia Nghĩa | Gia Nghĩa | |

| STT | Tên cơ sở giáo dục | Địa điểm | Diện tích dự kiến (ha) |
|---|---|---|---|
| 6 | Trường liên cấp Trung học phổ thông huyện Đắk R'Lấp | Đắk R'Lấp | |
| 7 | Trường liên cấp Trung học phổ thông huyện Cư Jút | Cư Jút | |

Ghi chú:

Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư, nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập, phê duyệt quy hoạch, quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án theo quy định của pháp luật. Các dự án, công trình khác ngoài danh mục trên căn cứ vào quy hoạch chuyên ngành của địa phương.

**Phụ lục XII**

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG VĂN HÓA, THỂ THAO**

*(Kèm theo Quyết định số 1757/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

## A. CÁC THIẾT CHẾ VĂN HÓA CẤP TỈNH

| STT | Hạng mục/Tên thiết chế văn hóa | Địa điểm dự kiến | Diện tích dự kiến (ha) |
|---|---|---|---|
| | **Thiết chế hiện có** | | |
| 1 | Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh | Đang dùng chung trụ sở Trung tâm Văn hóa tỉnh | |
| 2 | Bảo tàng tỉnh | | |
| 3 | Thư viện tỉnh | | |
| 4 | Đoàn Ca múa nhạc dân tộc tỉnh | Chưa có trụ sở | |
| | **Công trình xây dựng mới** | | |
| 1 | Khu liên hiệp bảo tàng, thư viện tỉnh và công viên tỉnh | Gia Nghĩa | 5,9 |
| 2 | Nhà làm việc Đoàn ca múa nhạc tỉnh | Gia Nghĩa | 1,5 |
| 3 | Khu C Trung tâm Văn hóa, Điện ảnh tỉnh | Gia Nghĩa | 3,5 |
| 4 | Quảng trường tỉnh | Gia Nghĩa | 1,7 |

## B. CÁC THIẾT CHẾ THỂ DỤC THỂ THAO CẤP TỈNH

| STT | Hạng mục/Tên cơ sở thể dục thể thao | Địa điểm dự kiến | Diện tích dự kiến (ha) |
|---|---|---|---|
| **I** | **Thiết chế hiện có** | | |
| | Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao tỉnh | Gia Nghĩa | |
| **II** | **Công trình xây dựng mới** | | |
| | Khu liên hiệp thể thao cấp tỉnh | Gia Nghĩa | 19 |

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư, nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt quy hoạch, quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án theo quy định của pháp luật. Các dự án, công trình khác ngoài danh mục trên căn cứ vào quy hoạch chuyên ngành của địa phương.

**Phụ lục XIII**

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC CƠ SỞ BẢO TRỢ XÃ HỘI**

*(Kèm theo Quyết định số 1757/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

| STT | Tên cơ sở bảo trợ xã hội | Địa điểm dự kiến | Diện tích dự kiến (ha) |
|---|---|---|---|
| | **Công trình xây dựng mới** | | |
| 1 | Trung tâm dưỡng lão khu vực Tây Nguyên | Gia Nghĩa | |
| 2 | Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Đắk Nông | Gia Nghĩa | |
| 3 | Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Đắk Nông | Tuy Đức | |
| 4 | Trung tâm bảo trợ xã hội (cơ sở 2) tỉnh Đắk Nông | Đắk Mil | |
| 5 | Cơ sở trợ giúp xã hội tỉnh | Cư Jút | |

Ghi chú:

Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư, nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt quy hoạch, quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án theo quy định của pháp luật. Các dự án, công trình khác ngoài danh mục trên căn cứ vào quy hoạch chuyên ngành của địa phương.

**Phụ lục XIV**

**CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT**

*(Kèm theo Quyết định số 1757/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

| STT | Chỉ tiêu | Mã | Chỉ tiêu được phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg (ha)* | Nhu cầu sử dụng đất theo đề nghị của tỉnh đến năm 2030 (ha) |
|---|---|---|---|---|
| **1** | **Đất nông nghiệp** | **NNP** | **587.723** | **579.691** |
| | Trong đó: | | | |
| 1.1 | Đất trồng lúa | LUA | 7.715 | 8.235 |
| | Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước | LUC | 4.271 | 4.559 |
| 1.2 | Đất rừng phòng hộ | RPH | 49.895 | 62.262 |
| 1.3 | Đất rừng đặc dụng | RDD | 38.324 | 40.698 |
| 1.4 | Đất rừng sản xuất | RSX | 204.762 | 170.430 |
| | Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên | RSN | 114.683 | 114.683 |
| **2** | **Đất phi nông nghiệp** | **PNN** | **62.782** | **70.814** |
| | Trong đó: | | | |
| 2.1 | Đất quốc phòng | CQP | 6.296 | 6.309 |
| 2.2 | Đất an ninh | CAN | 1.314 | 1.372 |
| 2.3 | Đất khu công nghiệp | SKK | 729 | 1.729 |
| 2.4 | Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia | DHT | 30.176 | 35.514 |
| | Trong đó: | | | |
| - | Đất giao thông | DGT | 10.644 | 14.777 |
| - | Đất xây dựng cơ sở văn hóa | DVH | 43 | 98 |
| - | Đất xây dựng cơ sở y tế | DYT | 135 | 135 |
| - | Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo | DGD | 644 | 644 |
| - | Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao | DTT | 190 | 268 |

| STT | Chỉ tiêu | Mã | Chỉ tiêu được phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg (ha)* | Nhu cầu sử dụng đất theo đề nghị của tỉnh đến năm 2030 (ha) |
|---|---|---|---|---|
| - | Đất công trình năng lượng | DNL | 12.900 | 12.900 |
| - | Đất công trình bưu chính, viễn thông | DBV | 18 | 18 |
| 2.5 | Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia | DKG | 3 | 3 |
| 2.6 | Đất có di tích lịch sử - văn hóa | DDT | 108 | 109 |
| 2.7 | Đất bãi thải, xử lý chất thải | DRA | 249 | 250 |
| **3** | **Đất chưa sử dụng** | **CSD** | **422** | **422** |
| **4** | **Đất khu kinh tế** | **KKT** | 0 | 0 |
| **5** | **Đất khu công nghệ cao** | **KCN** | 0 | 0 |
| **6** | **Đất đô thị** | **KDT** | **25.926** | **25.926** |

Ghi chú:

- Khu chức năng không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên.

- Diện tích đất quốc phòng, an ninh đến năm 2030 thực hiện theo Quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; trong quá trình triển khai thực hiện, chỉ tiêu đất quốc phòng, đất an ninh được điều chỉnh phù hợp với quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh.

* Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025.

**Phụ lục XV**

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC**

*(Kèm theo Quyết định số 1757/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

| STT | Tên khu bảo tồn | Phân loại (1) | Vị trí (2) | Quy mô dự kiến (ha) |
|---|---|---|---|---|
| **I** | **Khu bảo tồn cấp quốc gia (*)** | | | |
| 1 | Vườn Quốc gia Tà Đùng | Khu bảo tồn loài - sinh cảnh cấp quốc gia | Đắk Glong | |
| 2 | Vườn quốc gia Yok Dôn | Khu bảo tồn loài - sinh cảnh cấp quốc gia | Cư Jút | |
| **II** | **Khu bảo tồn cấp tỉnh** | | | |
| 1 | Khu dự trữ thiên nhiên Nam Nung | Khu bảo tồn loài - sinh cảnh cấp tỉnh | Đắk Glong, Đắk Song và Krông Nô | |
| 2 | Khu bảo vệ cảnh quan (văn hóa, lịch sử, môi trường) Đray Sáp - Gia Long | Khu bảo tồn loài - sinh cảnh cấp tỉnh | Krông Nô | |

Ghi chú:

(*) Các khu bảo tồn cấp quốc gia thực hiện theo Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

1. Phân loại các khu bảo tồn theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ bao gồm: (i) Khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài - sinh cảnh và khu bảo vệ cảnh quan cấp quốc gia; (ii) Khu dự trữ thiên nhiên cấp tỉnh; (iii) Khu bảo tồn loài - sinh cảnh cấp tỉnh; (iv) Khu bảo vệ cảnh quan cấp tỉnh.

2. Vị trí chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện.

**Phụ lục XVI**

**PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ, KHAI THÁC TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN**

*(Kèm theo Quyết định số 1757/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

**I. CÁC DỰ ÁN THĂM DÒ, KHAI THÁC KHOÁNG SẢN THEO QUY HOẠCH NGÀNH QUỐC GIA:** Thực hiện theo Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

**II. PHƯƠNG ÁN THĂM DÒ, KHAI THÁC KHOÁNG SẢN LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG VÀ THAN BÙN**

| STT | Loại khoáng sản | Tổng số các khu vực quy hoạch | Tổng diện tích (ha) | Tổng trữ lượng tài nguyên dự báo ($m^3$) | Trữ lượng khai thác đến 2030 ($m^3$) | Trữ lượng dự trữ ($m^3$) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đá xây dựng | 81 | 1.079,98 | 136.928.173 | 55.615.714 | 81.166.746 |
| 2 | Cát xây dựng | 19 | 332,23 | 9.451.958 | 5.182.318 | 4.269.639 |
| 3 | Sét gạch ngói | 11 | 232,58 | 10.556.981 | 4.699.055 | 5.857.926 |
| 4 | Vật liệu san lấp | 112 | 1053,57 | 79.018.117 | 49.384.321 | 29.633.796 |
| 5 | Than bùn | 8 | 182,23 | 1.946.350 | 865.726 | 1.080.624 |
| 6 | Đá ốp lát | 1 | 4,60 | 1.423.041 | 562.102 | 860.940 |
| | **TỔNG** | **232** | **2.876,2** | **239.327.620** | **116.309.236** | **122.869.671** |

Ghi chú:

Trong quá trình thực hiện quy hoạch, đối với các điểm mỏ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ do Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ phương án quy hoạch này và các phương án quy hoạch khác có liên quan, rà soát và tự bổ sung, điều chỉnh số lượng, ranh giới, công suất, lộ trình khai thác, mục tiêu sử dụng (nếu cần) để đảm bảo phù hợp với thực tiễn của địa phương và các quy định hiện hành. Đối với các điểm mỏ khoáng sản thuộc thẩm quyền của bộ, sẽ căn cứ các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt để triển khai, thực hiện.

**Phụ lục XVII**

**PHƯƠNG ÁN PHÂN VÙNG CHỨC NĂNG NGUỒN NƯỚC**

*(Kèm theo Quyết định số 1757/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

| STT | Tên sông | Vị trí nguồn nước các đoạn sông | | Chức năng chính của nguồn nước | Chiều dài (km) | Hiện trạng CL nước mặt | Mục tiêu CLN |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Từ vị trí | Đến vị trí | | | | |
| **I** | **Vùng lưu vực sông Sêrêpôk (Vùng I)** | | | | | | |
| 1 | Sông Sêrêpôk | Nhập lưu sông Krông Nô | Trước Trạm thủy văn Cầu 14 | - Cấp nước cho nông nghiệp<br>- Cấp nước cho công nghiệp<br>- Tiếp nhận nước thải | 30.8 | B1 | A2 |
| 2 | Sông Sêrêpôk | Khu vực Trạm thủy văn Cầu 14 | | - Cấp nước cho sản xuất công nghiệp; | | B1 | A2 |
| 3 | Sông Sêrêpôk | Sau khu vực Trạm Thủy văn Cầu 14 | Xã Nam Dong, huyện Cư Jút | - Cấp nước cho nông nghiệp<br>- Cấp nước cho công nghiệp | 5.5 | B1 | A2 |
| 4 | Sông Sêrêpôk | Xã Nam Dong, huyện Cư Jút | Đến nhập lưu Sông Ea Hang, xã Ea Pô, huyện Cư Jút | - Cấp nước cho sinh hoạt<br>- Cấp nước cho công nghiệp | 25.3 | A2 | A2 |
| 5 | Sông Sêrêpôk | Nhập lưu sông Ea Ndrich | Nhập lưu suối Đắk Klau | - Cấp nước cho nông nghiệp<br>- Cấp nước cho công nghiệp<br>- Tiếp nhận nước thải | 9.24 | B1 | A2 |

| STT | Tên sông | Vị trí nguồn nước các đoạn sông | | Chức năng chính của nguồn nước | Chiều dài (km) | Hiện trạng CL nước mặt | Mục tiêu CLN |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Từ vị trí | Đến vị trí | | | | |
| 6 | Sông Sêrêpôk | Nhập lưu Sông Đắk Klao, xã Đắk Wil | đến Nhập lưu sông Sak Ki Na | - Cấp nước cho nông nghiệp<br>- Cấp nước cho công nghiệp | 45 | B1 | A2 |
| 7 | Sông Đắk Klau | Trên địa bàn xã Đắk Mil | | - Cấp nước cho nông nghiệp | 32.8 | B1 | A2 |
| 8 | Sông Ea Găn | Xã Đắk R'La (Đắk Mil) | Xã Đắk Gằn (Đắk Mil) | - Cấp nước cho sinh hoạt, công nghiệp | 28.4 | A2 | A2 |
| 9 | Sông Ea Găn | Xã Đắk Gằn | Xã Nam Dong (Đắk Mil) trước nhập lưu vào sông Sêrêpôk | - Cấp nước cho nông nghiệp<br>- Tiếp nhận nước thải | 17 | A2 | A2 |
| **II** | **Vùng lưu vực sông Krông Nô (Vùng II)** | | | | | | |
| 1 | Sông Đắk Louk | Xã Nam Bình (huyện Đắk Song) | Nhập lưu sông Krông Nô | - Cấp nước cho nông nghiệp | 46.7 | B1 | A2 |
| 2 | Sông Đắk Ki Na | Xã Đắk Lao (huyện Đắk Mil) | Xã Đắk Wil (huyện Cư Jút) | - Cấp nước cho nông nghiệp | 42.3 | B1 | A2 |
| 3 | Sông Krông Nô | Nhập lưu suối Ea Pri Ne | Nhập lưu sông Đắk Nteng | - Cấp nước cho nông nghiệp | 16.8 | B1 | A2 |
| 4 | Sông Đắk Louk | Xã Nam Xuân (huyện Krông Nô) | Nhập lưu với sông Krông Nô | - Cấp nước cho nông nghiệp | 13.7 | B1 | A2 |
| 5 | Sông Đắk Sour | Nhập lưu sông Đắk N'Dreng | Nhập lưu sông Krông Nô | - Cấp nước cho nông nghiệp | 8.2 | B1 | A2 |

| STT | Tên sông | Vị trí nguồn nước các đoạn sông | | Chức năng chính của nguồn nước | Chiều dài (km) | Hiện trạng CL nước mặt | Mục tiêu CLN |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Từ vị trí | Đến vị trí | | | | |
| **III** | **Vùng lưu vực sông Đồng Nai (Vùng III)** | | | | | | |
| 1 | Suối Đắk Nông | | Thành phố Gia Nghĩa | - Cấp nước cho sinh hoạt;<br>- Cấp nước cho công nghiệp<br>- Thủy điện | 28.7 | A2 | A2 |
| 2 | Sông Da Nong | Xã Nam Bình (Đắk Song) | Xã Đắk Nia, Gia Nghĩa | - Cấp nước cho nông nghiệp | 53.7 | B1 | A2 |
| 3 | Sông Da Nong | Trên địa bàn xã Nhân Cơ (Đắk R'Lấp) | | - Cấp nước cho nông nghiệp<br>- Tiếp nhận nước thải | 10.4 | B1 | A2 |
| 4 | Sông Da Nong | Xã Nhân Cơ (huyện Đắk R'Lấp) | Nhập lưu sông Đồng Nai | - Cấp nước cho công nghiệp | 8.1 | B1 | A2 |
| 5 | Sông Đắk Yao | Xã Đắk Wer, huyện Đắk R'Lấp | Xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp | - Cấp nước cho nông nghiệp, công nghiệp<br>- Tiếp nhận nước thải | 9.2 | B1 | A2 |
| 6 | Sông Đắk Yao | Xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp | Nhập lưu sông Da Nong | - Cấp nước cho công nghiệp | 3.5 | A2 | A2 |
| 7 | Sông Đắk Klong | Xã Quảng khê (huyện Đắk Glong) | Nhập lưu sông Đắk Noh | - Cấp nước cho công nghiệp | | B1 | B1 |
| 8 | Sông Đắk Plao | Xã Đắk PLao (huyện Đắk Glong) | Nhập lưu sông Đồng Nai | - Cấp nước cho công nghiệp | 9.6 | B1 | A2 |

| STT | Tên sông | Vị trí nguồn nước các đoạn sông | | Chức năng chính của nguồn nước | Chiều dài (km) | Hiện trạng CL nước mặt | Mục tiêu CLN |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Từ vị trí | Đến vị trí | | | | |
| 9 | Sông Đắk R'Til | Thành phố Gia Nghĩa | Nhập lưu với sông Da Nong | - Cấp nước cho sinh hoạt<br>- Cấp nước cho công nghiệp<br>- Thủy điện | 20.6 | A2 | A2 |
| 10 | Sông Đồng Nai | Nhập lưu với sông Đa Nir | Nhập lưu với sông Da Nong | - Cấp nước cho nông nghiệp | 12.6 | A2 | A2 |
| 11 | Sông Đắk Kar | Xã Đắk Ru (huyện Đắk R'Lấp) | Sông Đồng Nai | - Cấp nước cho nông nghiệp | 15.7 | B1 | A2 |
| **IV** | **Vùng lưu vực sông Bé (Vùng IV)** | | | | | | |
| 1 | Sông Bé | Xã Đắk Buk So, huyện Tuy Đức | Nhập lưu sông Đắk Klan | - Cấp nước cho nông nghiệp | 7.6 | B1 | A2 |
| 2 | Sông Bé | Nhập lưu sông Đắk Klan | Nhập lưu sông Đắk Yenl | - Cấp nước cho nông nghiệp | 8.7 | B1 | A2 |

**Phụ lục XVIII**

**DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN THỰC HIỆN**

*(Kèm theo Quyết định số 1757/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

| STT | Tên dự án |
|---|---|
| **I** | **Lĩnh vực nông nghiệp** |
| 1 | Nhà máy sản xuất nước tinh khiết, thảo dược và hoa quả tập trung tại huyện Đắk Mil, huyện Đắk Glong |
| 2 | Vùng nguyên liệu trồng cây ăn quả, thảo dược và các giếng khoan tại huyện Đắk Mil, huyện Đắk Glong |
| 3 | Cụm trang trại chăn nuôi bò sữa tập trung tại huyện Đắk Glong |
| 4 | Nhà máy chế biến sữa tại huyện Đắk Glong |
| 5 | Vùng nguyên liệu chăn nuôi bò sữa tại huyện Đắk Glong, huyện Đắk Song |
| 6 | Dự án trồng cây ăn quả, cây hương liệu và cây gia vị đa tầng tại các huyện Đắk Song, Tuy Đức, Đắk Glong, Krông Nô và thành phố Gia Nghĩa |
| 7 | Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại huyện Đắk R'Lấp |
| 8 | Nhà máy chế biến lúa gạo tại huyện Krông Nô |
| 9 | Nhà máy chế biến sâu nông sản, trái cây công nghệ cao, kho dự trữ, bao quản thành phẩm, bãi tập kết nguyên liệu tại các huyện, thành phố |
| 10 | Các khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, quy mô lớn tại các huyện, thành phố |
| 11 | Dự án, khu, trang trại chăn nuôi tập trung tại các huyện, thành phố |
| **II** | **Lĩnh vực công nghiệp** |
| 1 | Hoàn thiện hạ tầng các khu công nghiệp được quy hoạch cho giai đoạn quy hoạch 2021 - 2030 |
| 2 | Hoàn thiện hạ tầng các khu công nghiệp được quy hoạch cho giai đoạn quy hoạch 2031 - 2050 |
| 3 | Hoàn thiện hạ tầng các cụm công nghiệp được quy hoạch cho giai đoạn quy hoạch 2021 - 2030 |

| STT | Tên dự án |
|---|---|
| 4 | Hoàn thiện hạ tầng các cụm công nghiệp được quy hoạch cho giai đoạn quy hoạch 2031 - 2050 |
| 5 | Dự án cải tiến hiệu suất, nâng công suất Nhà máy sản xuất alumin Nhân Cơ (nâng công suất dây chuyền sản xuất alumin hiện có từ 0,65 lên 0,8 triệu tấn alumin/năm), Nhân Cơ tại huyện Đắk R'Lấp |
| 6 | Dự án mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất alumin Nhân Cơ (đầu tư mới dây chuyền sản xuất alumin thứ hai công suất 1,2 triệu tấn alumin/năm), Nhân Cơ tại huyện Đắk R'Lấp |
| 7 | Dự án Nhà máy Alumin Đắk Nông 2 tại huyện Đắk Glong |
| 8 | Dự án Nhà máy Alumin Đắk Nông 3 tại huyện Đắk Song |
| 9 | Dự án Nhà máy Alumin Đắk Nông 4 tại huyện Tuy Đức |
| 10 | Dự án Nhà máy Alumin Đắk Nông 5 tại huyện Đắk Glong |
| 11 | Nhà máy cơ khí chế tạo máy và sửa chữa các thiết bị phục vụ cho hoạt động khai thác, chế biến bô xít và cung cấp thiết bị cơ khí cho dự án điện phân nhôm tại huyện Đắk R'Lấp |
| 12 | Nhà máy sản xuất dây cáp điện tại huyện Đắk R'Lấp |
| 13 | Nhà máy sản xuất nhôm định hình và nhôm trang trí tại huyện Đắk R'Lấp |
| 14 | Nhà máy sản xuất linh kiện thiết bị công nghiệp sử dụng nhôm và hợp kim nhôm tại huyện Đắk R'Lấp |
| 15 | Các dự án khai thác quặng bô xít theo quy hoạch khoáng sản quốc gia tại các huyện Đắk Glong, Tuy Đức, Đắk R'Lấp, Tp. Gia Nghĩa, Đắk Song |
| 16 | Nhà máy bảo quản, chế biến nông sản (trái cây, cà phê, hồ tiêu…) tại các huyện, thành phố |
| 17 | Nhà máy chế biến gỗ, ván MDF, tre, nứa… tại các huyện, thành phố |
| 18 | Nhà máy sản xuất phân bón, hóa chất tại các huyện, thành phố |
| 19 | Nhà máy chế biến cao su tại các huyện, thành phố |
| 20 | Nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng tại các huyện, thành phố |
| 21 | Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi tại các huyện, thành phố |

| STT | Tên dự án |
|---|---|
| 22 | Nhà máy dệt, may tại các huyện, thành phố |
| 23 | Kho cung ứng, dự trữ xăng dầu, khí đốt tại các huyện, thành phố |
| **III** | **Lĩnh vực thương mại, dịch vụ, du lịch** |
| 1 | Tổ hợp, khu du lịch Tà Đùng tại huyện Đắk Glong |
| 2 | Tổ hợp, khu du lịch Quảng Khê tại huyện Đắk Glong |
| 3 | Tổ hợp, khu du lịch Liêng Nung tại thành phố Gia Nghĩa |
| 4 | Tổ hợp đô thị, du lịch sinh thái hồ Đắk R'tih tại thành phố Gia Nghĩa |
| 5 | Tổ hợp khách sạn, thương mại (Sở Ngoại vụ cũ) tại thành phố Gia Nghĩa |
| 6 | Khu đô thị, du lịch phức hợp Không gian Việt theo dòng thời gian tại thành phố Gia Nghĩa |
| 7 | Khu du lịch sinh thái văn hóa lịch sử Nâm Nung tại các huyện Đắk Song, Krông Nô, Đắk Glong |
| 8 | Khu du lịch sinh thái văn hóa cụm thác Đray Sáp - Gia Long tại huyện Krông Nô |
| 9 | Khu du lịch sinh thái thác Đắk G'lun tại huyện Tuy Đức |
| 10 | Các khu du lịch sinh thái dọc sông Sêrêpôk tại huyện Cư Jút |
| 11 | Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông; Các điểm dừng chân, các trung tâm thông tin Công viên địa chất tại thành phố Gia Nghĩa, các huyện Cư Jút, Đắk Mil, Krông Nô, Đắk Song |
| 12 | Xây dựng cơ sở hạ tầng tại Điểm di sản núi lửa Nam Kar và di sản cánh đồng ven núi lửa tại huyện Krông Nô |
| 13 | Hệ thống các cơ sở lưu trú du lịch (khách sạn, nghỉ dưỡng, cắm trại, homestay, farmstay tại các thôn, bon, buôn, bản, khu sinh thái rừng có tiềm năng du lịch văn hóa, nông nghiệp gắn với cộng đồng dân tộc…) tại các huyện, thành phố |
| 14 | Các khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng gắn liền với cảnh quan và phát triển lợi thế của địa phương tại các huyện, thành phố |
| 15 | Các khu phức hợp, dịch vụ, du lịch, nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí, sân gôn tại các huyện, thành phố |

| STT | Tên dự án |
|---|---|
| 16 | Chợ hạng I Đức Lập tại huyện Đắk Mil |
| 17 | Chợ hạng I Kiến Đức tại huyện Đắk R'Lấp |
| 18 | Chợ hạng I Gia Nghĩa (nâng cấp, cải tạo) tại thành phố Gia Nghĩa |
| 19 | Trung tâm hội chợ triển lãm tỉnh Đắk Nông tại thành phố Gia Nghĩa |
| 20 | Trung tâm logistics cấp vùng tại huyện Đắk Mil |
| 21 | Trung tâm logistics cấp vùng tại huyện Đắk R'Lấp |
| 22 | Các trung tâm logistic dọc Quốc lộ 14, Quốc lộ 28, tuyến kết nối với đường cao tốc tại các huyện, thành phố |
| 23 | Siêu thị tổng hợp biên giới tại huyện Đắk Mil, Tuy Đức |
| 24 | Cụm kho hải quan Khu cửa khẩu tại huyện Đắk Mil, Tuy Đức |
| 25 | Chợ, siêu thị, trung tâm thương mại tại các huyện, thành phố |
| **IV** | **Lĩnh vực văn hóa, thể thao** |
| 1 | Khu liên hiệp bảo tàng, thư viện tỉnh và công viên tỉnh tại thành phố Gia Nghĩa |
| 2 | Nhà làm việc Đoàn ca múa nhạc tỉnh tại thành phố Gia Nghĩa |
| 3 | Khu C Trung tâm Văn hóa, Điện ảnh tỉnh tại thành phố Gia Nghĩa |
| 4 | Quảng trường tỉnh tại thành phố Gia Nghĩa |
| 5 | Khu liên hiệp thể thao cấp tỉnh tại thành phố Gia Nghĩa |
| 6 | Dự án khu di tích lịch sử quốc gia địa điểm bắt liên lạc khai thông đường Hồ Chí Minh (đoạn Nam Tây Nguyên đến Đông Nam Bộ) tại thành phố Gia Nghĩa |
| 7 | Tu bổ, tôn tạo, phục hồi và sửa chữa Khu di tích lịch sử B4 Liên tỉnh IV tại huyện Krông Nô |
| 8 | Nâng cấp, mở rộng Điểm di sản cầu Sêrêpôk tại huyện Cư Jút |
| 9 | Tu bổ, tôn tạo, sửa chữa nhà ngục tại huyện Đắk Mil |
| 10 | Dự án tu bổ di tích lịch sử địa điểm lưu niệm N'Trang Gưh tại huyện Krông Nô |
| 11 | Cụm tượng đài N'Trang Lơng (giai đoạn 2) tại thành phố Gia Nghĩa |

| STT | Tên dự án |
|---|---|
| 12 | Sân gôn thuộc các tổ hợp du lịch nghỉ dưỡng, thể thao tại các huyện, thành phố |
| 13 | Các sân vận động cấp huyện tại các huyện, thành phố |
| 14 | Xây mới, nâng cấp, cải tạo các cơ sở, thiết chế văn hóa, thể thao của tỉnh và cấp huyện tại các huyện, thành phố |
| **V** | **Lĩnh vực thông tin, truyền thông** |
| 1 | Xây dựng đô thị thông minh tại trung tâm tại các huyện, thành phố |
| 2 | Xây dựng các trung tâm logistics bưu chính tại các huyện, thành phố |
| 3 | Xây dựng cơ sở dữ liệu và phát triển hạ tầng chính quyền số tại các huyện, thành phố |
| 4 | Xây dựng các tuyến truyền dẫn quang kết nối liên tỉnh, nội tỉnh tại các huyện, thành phố |
| 5 | Phát triển hạ tầng mạng 5G tại các huyện, thành phố |
| 6 | Cổng thông tin dữ liệu mở tỉnh Đắk Nông tại thành phố Gia Nghĩa |
| 7 | Xây dựng nền tảng số chuyên ngành tỉnh Đắk Nông |
| 8 | Bó gọn cáp và ngầm hóa hạ tầng mạng cáp viễn thông tại các huyện, thành phố |
| 9 | Chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước tại các huyện, thành phố |
| 10 | Nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh tại thành phố Gia Nghĩa |
| 11 | Cơ quan truyền thông đa phương tiện tại thành phố Gia Nghĩa |
| 12 | Dự án về Điện toán đám mây; Cổng thông tin dịch vụ trực tuyến; hạ tầng IoT; CSDL về thông tin đối ngoại; thương mại điện tử tại thành phố Gia Nghĩa |
| **VI** | **Lĩnh vực y tế** |
| 1 | Xây dựng Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2 tại thành phố Gia Nghĩa |
| 2 | Xây dựng Bệnh viện đa khoa chuyên sâu tại huyện Cư Jút |
| 3 | Xây dựng Bệnh viện đa khoa Xuyên Á Gia Nghĩa tại thành phố Gia Nghĩa |
| 4 | Xây dựng Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm tại thành phố Gia Nghĩa |

| STT | Tên dự án |
|---|---|
| 5 | Xây dựng Trung tâm sản xuất và ứng dụng dược liệu tại thành phố Gia Nghĩa |
| 6 | Xây dựng Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh (CDC) tại thành phố Gia Nghĩa |
| 7 | Xây dựng Bệnh viện Y học cổ truyền tại thành phố Gia Nghĩa |
| 8 | Xây dựng Khu kiểm dịch biên giới cửa khẩu Bu Prăng tại huyện Tuy Đức |
| 9 | Xây dựng Khu kiểm dịch biên giới cửa khẩu Đắk Peur tại huyện Đắk Mil |
| 10 | Xây dựng Trung tâm huyết học và truyền máu tại thành phố Gia Nghĩa |
| 11 | Xây dựng Trung tâm vận chuyển cấp cứu của tỉnh tại thành phố Gia Nghĩa |
| 12 | Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng và mua sắm trang thiết bị cho cácTrung tâm y tế cấp huyện |
| 13 | Đầu tư nâng cấp, cải tạo các trạm y tế tuyến xã tại các huyện, thành phố |
| **VII** | **Lĩnh vực giáo dục, đào tạo** |
| 1 | Nâng cấp Trường Cao đẳng Cộng đồng tỉnh Đắk Nông đạt cơ sở đào tạo nghề chuẩn quốc gia |
| 2 | Trường Trung học phổ thông Tuy Đức |
| 3 | Trường Trung học phổ thông Đắk Glong |
| 4 | Trường Trung học phổ thông Krông Nô |
| 5 | Trường Trung học phổ thông Đắk Song |
| 6 | Trường liên cấp Trung học phổ thông thành phố Gia Nghĩa |
| 7 | Trường liên cấp Trung học phổ thông Đắk R'Lấp |
| 8 | Trường liên cấp Trung học phổ thông Cư Jút |
| 9 | Xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng các trường Đại học, Cao đẳng, Trường chính trị, Trung cấp, Trường nghề, Trung tâm giáo dục thường xuyên, Trung học phổ thông, Trung học cơ sở, Tiểu học, Mầm non theo yêu cầu phát triển |
| **VIII** | **Lĩnh vực trợ giúp xã hội** |
| 1 | Trung tâm dưỡng lão khu vực Tây Nguyên tại thành phố Gia Nghĩa |
| 2 | Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Đắk Nông tại thành phố Gia Nghĩa |

| STT | Tên dự án |
|---|---|
| 3 | Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Đắk Nông tại huyện Tuy Đức |
| 4 | Trung tâm bảo trợ xã hội (cơ sở 2) tỉnh Đắk Nông tại huyện Đắk Mil |
| 5 | Cơ sở trợ giúp xã hội tỉnh tại huyện Cư Jút |
| 6 | Nâng cấp các Nghĩa trang Liệt sỹ tại các huyện, thành phố |
| 7 | Thành lập mới các cơ sở trợ giúp ngoài công lập tại các huyện, thành phố |
| **IX** | **Lĩnh vực đô thị, nhà ở** |
| 1 | Chỉnh trang, nâng cấp các khu đô thị hiện hữu tại các huyện, thành phố |
| 2 | Đầu tư các khu đô thị mới theo quy hoạch đô thị, quy hoạch phân khu chức năng, cụ thể hóa định hướng tại quy hoạch tỉnh |
| 3 | Xây dựng đô thị thông minh tại các huyện, thành phố |
| **X** | **Lĩnh vực giao thông** |
| **a** | **Các dự án Trung ương đầu tư** |
| **-** | **Đường cao tốc** |
| | Trục dọc 4 (Cao tốc Bắc - Nam phía tây CT02) |
| 1 | Đoạn Gia Nghĩa (tỉnh Đắk Nông) - Chơn Thành (tỉnh Bình Phước) |
| 2 | Đoạn Buôn Ma Thuột (tỉnh Đắk Lắk) - Gia Nghĩa (tỉnh Đắk Nông) |
| **-** | **Quốc lộ** |
| 3 | Nâng cấp, cải tạo Quốc lộ 14C đoạn qua tỉnh Đắk Nông |
| 4 | Nâng cấp, cải tạo Quốc lộ 28 đoạn qua tỉnh Đắk Nông |
| **-** | **Sân bay (thu hút đầu tư)** |
| 5 | Đề xuất, kêu gọi đầu tư cảng hàng không theo quy hoạch |
| **-** | **Đường sắt (thu hút đầu tư)** |
| 6 | Tuyến đường sắt Đắk Nông - Chơn Thành (đoạn Gia Nghĩa, Đắk R'Lấp |
| **-** | **Cảng cạn (thu hút đầu tư)** |
| 7 | Cảng cạn tuyến Hành lang vận tải Đắk Nông - Bình Phước - Thành phố Hồ Chí Minh (Tỉnh Đắk Nông) |

| STT | Tên dự án |
|---|---|
| **b** | **Các dự án Tỉnh đầu tư** |
| **-** | **Tỉnh lộ và các tuyến dự kiến nâng lên tỉnh lộ theo quy hoạch** |
| 1 | Nâng cấp, cải tạo Tỉnh lộ 1 đoạn Kiến Đức - Đắk Búk So (thuộc trục ngang 5) đoạn Đắk R'Lấp, Tuy Đức |
| 2 | Nâng cấp, cải tạo Tỉnh lộ 6 (đoạn Nâm N'jang - Quảng Sơn (thuộc trục ngang 6) - Đắk Song, Đắk Glong |
| 3 | Nâng cấp, cải tạo Tỉnh lộ 4B (thuộc trục ngang 8) - Đắk Glong, Krông Nô |
| 4 | Nâng cấp cải tạo Tỉnh lộ 5 đoạn Đắk Ru - Đắk Sin (thuộc trục ngang 7) - Đắk R'Lấp |
| 5 | Nâng cấp, cải tạo đường vào thủy điện Đồng Nai 4 (được quy hoạch là Quốc lộ 55) - Đắk Glong |
| 6 | Đầu tư xây dựng đường kết nối Gia Nghĩa (tỉnh Đắk Nông) - Bảo Lâm (tỉnh Lâm Đồng) - Gia Nghĩa |
| 7 | Đầu tư xây dựng đường kết nối từ đường ra cửa khẩu Đắk Peur tới Tỉnh lộ 3 (thuộc trục ngang 2) - Đắk Mil |
| 8 | Đầu tư xây dựng đường kết nối Krông Nô (tỉnh Đắk Nông) - Krông Na (tỉnh Đắk Lắk) (thuộc trục ngang 2) - Krông Nô |
| 9 | Nâng cấp, cải tạo đường Đắk Sin - Nghĩa Thắng (thuộc trục ngang 5) - Đắk R'Lấp |
| 10 | Nâng cấp, cải tạo đường Quảng Sơn - Đắk R'Măng (thuộc trục ngang 4) - Đắk Glong |
| 11 | Nâng cấp, cải tạo đường Quảng Khê - Đắk R'Măng (thuộc trục ngang 4) - Đắk Glong |
| 12 | Nâng cấp, cải tạo đường Đắk Som - Đắk R'Măng (thuộc trục ngang 8) - Đắk Glong |
| 13 | Nâng cấp, cải tạo đường Đắk R'Măng - Quảng Hòa (thuộc trục ngang 8) - Đắk Glong |
| 14 | Đường vành đai thị trấn Đắk Mil (tuyến tránh Quốc lộ 14C) - Đắk Mil |
| 15 | Đường vành đai đô thị Gia Nghĩa (tuyến tránh Đường Hồ Chí Minh, Quốc lộ 28) - Gia Nghĩa, Đắk Song |

| STT | Tên dự án |
|---|---|
| 16 | Đường vành đai thị trấn Kiến Đức (tuyến tránh Đường Hồ Chí Minh) - Đắk R'Lấp |
| 17 | Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường tỉnh (Các huyện, thành phố) |
| - | **Đầu tư xây dựng, nâng cấp các trục đường đô thị tại các huyện, thành phố** |
| - | **Đầu tư xây dựng, nâng cấp tuyến đường tại các huyện.** |
| - | **Đầu tư xây dựng, nâng cấp tuyến đường xã tại các huyện, thành phố** |
| - | **Thu hút đầu tư xây mới, mở rộng các bến xe khách tại các huyện, thành phố** |
| **XI** | **Lĩnh vực thủy lợi** |
| **a** | **Dự án nâng cấp** |
| 1 | Hồ Đắk Diêr tại huyện Cư Jút |
| 2 | Hồ Thủy điện, Hồ Thôn 3A + 3B, Hồ Dạ Hang Lang, Hồ Số 3, Hồ Đắk Bông, Hồ Số 1, Hồ Thôn 3B, Hồ Thôn 5 (Thủy lợi Thôn 5), Thủy lợi Đắk N'der 2, Hồ Đắk Snao 2, Hồ Thôn 3B Bon Sa Nar, Hồ Thôn 2, Hồ Đắk Snao 3, Hồ Chum Ia, Hồ Đắk M'buốch, Hồ Số 2, Hồ Đắk R'tiêng, Hồ Đắk HLang, Hồ Đắk Srê, Hồ Thôn 2 (Nao Kon Đơi) tại huyện Đắk Glong |
| 3 | Hồ E29, Công trình hồ Đắk Săk, Công trình Đô Ry II, Hồ Bắc Sơn 1, Hồ Ông Đăng, Hồ đội 1, Hồ Tây tại huyện Đắk Mil |
| 4 | Thủy lợi Da Dung, Hồ Bon Bu Ja Rá (sau Hồ Cầu Tư), Hồ Nhân Cơ, Thủy lợi Bàu Muỗi tại huyện Đắk R'Lấp |
| 5 | Hồ Đắk Sơn 3, Hồ Đắk Mrung, Hồ Đắk Kuăl, CTTL Đắk kuăl 5 (Hồ Đắk kuăl 5), Hồ Đắk Toa, Hồ Thôn 3, Hồ Đắk Mol, Hồ Xu Đăng (Dâng Dri), Hồ Thôn 2, Hồ Sình Muống tại huyện Đắk Song |
| 6 | Hồ Tổ 3, Hồ Fai Kol Poul Đăng, Hồ Nam Dạ tại TP. Gia Nghĩa |
| 7 | Hồ Đắk Tân, Hồ Đắk Rồ, Hồ Đắk Mâm, Hồ Đắk Ri tại huyện Krông Nô |
| 8 | Hồ Đắk Zên, Đập Bon Bu PRăng 2, Đập Đắk Huýt 4, Đập D2, Đập Đắk Glun 1, Đập dâng Bon Phung tại huyện Tuy Đức |
| 9 | Nâng cấp, cải tạo các hồ đập xuống cấp, mất an toàn (Các huyện, thành phố) |

| STT | Tên dự án |
|---|---|
| **b** | **Dự án xây mới** |
| 1 | Hồ Ea Sier, Hồ Thôn 15, Hồ Đắk Drích, Hồ Ea Điêr 2 tại huyện Cư Jút |
| 2 | Hồ Đắk N'Ting, Hồ Dhôu, Hồ Quảng Hòa, Hồ Đắk Ha Hạ, Mở rộng hệ thống CTTL TB Suối Đá tại huyện Đắk Glong |
| 3 | Hồ Đắk Klo Ou, Hồ Suối 38, Hồ Đắk N'Dreng, Hồ Đắk Siat, Hồ Dốc Đất, Hồ Mạnh Tiến 2, Hồ Mỏ Đá, Hồ Lo Ren, Hồ Đắk R'la 3, Hồ Ông Bổng, Hồ Đắk Gon hạ, Hồ Nam Sơn 1, Hồ Đắk R'la 5, Hồ Hố Chay, Đập Đắk N'Drot tại huyện Đắk Mil |
| 4 | Hồ Thôn 6-7, Hồ Thôn 6+17, Hồ Đắk Nêr 2, CT. Quảng Trung, Đập Thôn 7-T10, Hồ Đắk Nham, Đập Thôn 9 (Đ.Ana) tại huyện Đắk R'Lấp |
| 5 | Hồ Đắk Pong (Đắk Mít), Hồ Bu Răng, Hồ Sình Tre, Hồ Đắk Tiên Tan, Hồ Đắk Klo, Hồ Sình Cỏ, Hồ Thôn 3 Rừng Lạnh, Hồ Thôn 6, Hồ Thôn 5, Hồ thôn 1, Hồ Đắk Toit tại huyện Đắk Song |
| 6 | Hồ Nam Xuân 1, Hồ Đắk Hoa, Hồ Nam Xuân, Hồ Đắk Ri 2, Hồ Đắk Na, Hồ Đắk Đrúk, Hồ Đắk Đrô 3, Hồ Đắk Đrô, Hồ Đắk R'Po, Đập Đắk Prí, Đập Dâng Buôn Choih tại Krông Nô |
| 7 | Hồ Thôn 12A (Phú Xuân), Hồ Suối Đá, Hồ Đắk Muông 1, Hồ Bon Đắk R'Moon, Công trình thủy lợi 12-B1 tại TP. Gia Nghĩa |
| 8 | Hồ Đắk R'tan, Hồ Đam Ru (Đắk Dang Re), Hồ Thôn 7B, Hồ Đắk Glun tại huyện Tuy Đức |
| 9 | Xây mới các hồ, đập đảm bảo nhu cầu tưới (Các huyện, thành phố) |
| **c** | **Hệ thống kè chống sạt lở bờ sông, khắc phục hậu quả thiên tai, hoàn thiện hệ thống thủy lợi** |
| 1 | Làm kè chống sạt lở từ suối Đắk Prí từ QL28 đến sông Krông Nô |
| 2 | Nạo vét đoạn suối Nam Đà từ sau hồ Nam Đà đến giáp suối Đắk Sôr tại Krông Nô |
| 3 | Kè bờ trên sông Krông Nô |
| 4 | Các dự án phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai (Các huyện, thành phố) |
| 5 | Nâng cấp các công trình thủy lợi phòng chống hạn hán trên địa bàn tỉnh (Các huyện, thành phố) |

| STT | Tên dự án |
|---|---|
| 6 | Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh (Các huyện, thành phố) |
| 7 | Phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng, tưới tiên tiến tiết kiệm nước (Các huyện, thành phố) |
| 8 | Kè chống sạt lở một số vị trí có nguy cơ sạt lở; Kè chống sạt lở giao thông (Các huyện, thành phố) |
| **XII** | **Lĩnh vực cấp nước** |
| 1 | Nhà máy nước Gia Nghĩa (nâng cấp, cải tạo) tại TP. Gia Nghĩa |
| 2 | Nhà máy nước Kiến Đức tại huyện Đắk R'Lấp |
| 3 | Nhà máy nước Đắk Glong tại huyện Đắk Glong |
| 4 | Nhà máy nước Cư Jút tại huyện Cư Jút |
| 5 | Nhà máy nước thị trấn Đắk Mâm tại huyện Krông Nô |
| 6 | Nhà máy nước thị trấn Đắk Mil (nâng cấp, cải tạo) tại huyện Đắk Mil |
| 7 | Nhà máy nước thị trấn Đức An tại huyện Đắk Song |
| 8 | Nhà máy nước Đắk Búk So tại huyện Tuy Đức |
| 9 | Các nhà máy nước theo yêu cầu phát triển, đề xuất của nhà đầu tư (Các huyện, thành phố) |
| **XIII** | **Lĩnh vực khoa học công nghệ** |
| 1 | Trung tâm nông nghiệp công nghệ cao tại thành phố Gia Nghĩa |
| 2 | Dự án: "Mở rộng quy mô vườn thực nghiệm" thuộc Trung tâm Thông tin, Kỹ thuật và Ứng dụng khoa học công nghệ tỉnh Đắk Nông |
| 3 | Dự án bảo vệ nguồn gen động, thực vật trên địa bàn tỉnh Đắk Nông |
| 4 | Trung tâm công nghệ sinh học tỉnh Đắk Nông |
| 5 | Các dự án chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ vào các lĩnh vực sản xuất chủ lực của tỉnh |
| **XIV** | **Lĩnh vực môi trường** |
| **a** | **Quan trắc** |
| 1 | Đầu tư xây dựng hệ thống mạng lưới trạm quan trắc môi trường tự động, liên tục trên địa bàn tỉnh Đắk Nông |

| STT | Tên dự án |
|---|---|
| **b** | **Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học** |
| 1 | Trung tâm cứu hộ động vật hoang dã tại các khu bảo tồn |
| 2 | Khu rừng đặc dụng cảnh quan Dray Sáp - Gia Long tại huyện Krông Nô |
| 3 | Khu dự trữ thiên nhiên Nâm Nung tại huyện Krông Nô |
| 4 | Vườn Quốc gia Tà Đùng tại huyện Đắk Glong |
| **c** | **Khu xử lý chất thải rắn (CTR)** |
| 1 | Khu xử lý CTR Quảng Tâm tại huyện Tuy Đức |
| 2 | Khu xử lý CTR Đạo Nghĩa tại huyện Đắk R'Lấp |
| 3 | Khu xử lý CTR Đắk Nia tại thành phố Gia Nghĩa |
| 4 | Khu xử lý CTR Cư Knia tại huyện Cư Jút |
| 5 | Khu xử lý CTR Đắk Lao tại huyện Đắk Mil |
| 6 | Khu xử lý CTR Quảng Khê tại huyện Đắk Glong |
| 7 | Khu xử lý CTR Đắk Ha tại huyện Đắk Glong |
| 8 | Khu xử lý CTR Đắk Mâm tại huyện Krông Nô |
| 9 | Khu xử lý xã Nâm N'Jang tại huyện Đắk Song |
| 10 | Các khu xử lý, bãi chôn lấp CTR theo yêu cầu phát triển và tiêu chuẩn kỹ thuật tại các huyện, thành phố |
| **d** | **Hệ thống xử lý nước thải** |
| 1 | Hệ thống xử lý nước thải Gia Nghĩa |
| 2 | Hệ thống xử lý nước thải Đô thị Kiến Đức tại huyện Đắk R'Lấp |
| 3 | Hệ thống xử lý nước thải Đô thị Quảng Tín tại huyện Đắk R'Lấp |
| 4 | Hệ thống xử lý nước thải Đô thị Kiến Thành tại huyện Đắk R'Lấp |
| 5 | Hệ thống xử lý nước thải Đô thị Đắk Mil |
| 6 | Hệ thống xử lý nước thải Đô thị Ea T'Ling tại huyện Cư Jút |
| 7 | Hệ thống xử lý nước thải thị trấn Quảng Khê tại huyện Đắk Glong |
| 8 | Các hệ thống xử lý nước thải theo yêu cầu phát triển và tiêu chuẩn kỹ thuật tại các huyện, thành phố |

| STT | Tên dự án |
|---|---|
| **đ** | **Nghĩa trang, nhà tang lễ, lò hỏa táng** |
| 1 | Công viên vĩnh hằng, Đắk Nia tại thành phố Gia Nghĩa |
| 2 | Các nghĩa trang nhân dân, đài hóa thân các huyện, thành phố |
| **XV** | **Quốc phòng, an ninh** |
| 1 | Xây mới, nâng cấp các cơ sở quốc phòng, an ninh tại các huyện, thành phố |
| 2 | Đội cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ tại các huyện, thành phố |
| 3 | Trụ sở công an xã tại các huyện, thành phố |

Ghi chú:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông cam kết không hợp thức hóa các sai phạm và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Thủ tướng Chính phủ về quá trình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương và quyết định đầu tư dự án tại Phụ lục này.

- Về quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các công trình, dự án trong Danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

- Các dự án, công trình khác ngoài Danh mục nêu trên căn cứ vào các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch ngành, quy hoạch vùng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành của địa phương,... và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt.

- Các dự án, công trình đang được rà soát, xử lý theo các Kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán và thi hành các bản án (nếu có) chỉ được triển khai thực hiện sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án (nếu có) và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm phù hợp các quy định hiện hành.

**Phụ lục XIX**

**DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH**

*(Kèm theo Quyết định số 1757/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

| STT | Tên sơ đồ | Tỷ lệ |
|---|---|---|
| 1 | Sơ đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn | 1:100.000 |
| 2 | Sơ đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng | 1:100.000 |
| 3 | Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội | 1:100.000 |
| 4 | Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật | 1:100.000 |
| 5 | Sơ đồ phương án phân bổ và khoanh vùng các chỉ tiêu sử dụng đất | 1:100.000 |
| 6 | Sơ đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên | 1:100.000 |
| 7 | Sơ đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu | 1:100.000 |
| 8 | Sơ đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện | 1:100.000 |

**VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN**

| | |
|---|---|
| Địa chỉ: | Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội |
| Điện thoại liên hệ: | |
| - Nội dung: | 080.44417; Fax: 080.44517 |
| - Phát hành: | 080.48543 |
| Email: | congbao@chinhphu.vn |
| Website: | http://congbao.chinhphu.vn |
| In tại: | Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng |